

PHẨM THẨM BỆNH

Trong thất nói pháp để dẫn tiếp và nhiếp thọ, đối trước lược bày, giải thích tên phẩm. Nói ý có phẩm này, bày nghĩa. Ngài Kinh Khê nói: Trước nói ngài Tịnh Danh giả bệnh... Tức là chỉ sự có mặt của hai tiết văn trước. Trong phẩm Phương Tiện rộng vì các người đến thăm bệnh, nói đây có hai nghĩa gần là chúng tặc đang được lợi ích ở đương tòa, xa là ấn định thành kinh cho sau này. Tức là văn liệu giả đầu ở phẩm Phương Tiện. Kế, là phẩm Đệ Tử, trước nói tự nghĩ mình đang bệnh nằm trên giường... đủ như năm thứ lợi ích ở văn trước. Nay muốn chung lấy hai chỗ văn trước mà làm ngoài thất. Chê trách ở ngoài thất, là hỏi vì sao không nói thế giới Tất-đàn? Đáp: Hai môn trước cần phải hoan hỷ rồi sau mới nói. Hai môn cộng hữu nên không luận. Hỏi: Lý Đệ nhất nghĩa cũng là cộng hữu vì sao lại nói? Đáp: Tuy tức cộng hữu có nhập, không nhập mà ở nhập, nên cần phải nói. Lại thế giới một thứ hữu thì bất định. Như Đệ nhất nghĩa một mực cần có, thế nên cần phải nói cả hai. Đã chê trách ...” là kết ý, khai chương giải thích rõ, nêu chương. b, tùy giải thích, ý có phẩm này, nêu chung. Ngài Kinh Khê nói: quyền mưu, là nói phương tiện. Trong phẩm mọi nơi đều hiện thân, tức việc này. Phải hỏi là quyền không mưu tính, sao được gọi là quyền mưu? Đáp: Không mưu tức là đại quyền mưu. Cảnh tượng lớn không hình, tâm lớn ít tiếng. Cho nên biết quyền mưu bất tư nghì không tiếng không hình của hình và tiếng lớn. Trước đã dùng bốn giáo..., là nói kẻ phàm phu chỉ cho phẩm Phương Tiện, nói Nhị thừa là chỉ cho phẩm Đệ Tử, các thiên Bồ-tát là chỉ cho phẩm Bồ-tát.

Hỏi: Nhưng phải nói dùng Viên chiết phục mà nói bốn giáo là sao?

Đáp: Trách phàm thì dùng Tạng, chê tiểu thì dùng Diễn, chê đại thì dùng Viên hoặc thay nhau mà chê trách, nên cần dùng cả bốn.

Nay khen... là chỉ cho Văn-thù khen ngợi. Ngài Tịnh Danh khiến tu... tức là chỉ cho văn điều phục và ủy dụ và bốn phẩm sau. Nhập bất tư nghì chỉ cho phẩm Bất Tư Nghì. Được thấy cõi tịnh tức chỉ cho phẩm Hương Tích, A-súc Phật. Nói và năm phẩm sau, là đến văn dưới thì tùy mỗi phẩm không ngoài chiết phục và nhiếp thọ.

Giải thích riêng, nêu chương. Ngài Kinh Khê nói: Đây lại là năm, tức cùng đồng nghĩa năm phẩm trước. Vì Văn-thù nhận lĩnh thăm bệnh cũng dựa vào văn khác có năm việc khác đây, nên cần biện biệt với văn trước. chánh giải năm việc:

1. Đáp ứng tâm khát ngưỡng của thời chúng. Ngài Kinh Khê nói: Dích thân nhận lời thăm bệnh vì tuy vừa nghe kể việc bị chê trách nhưng không thấy rõ việc vừa tin. Nếu thấy được ngài Tịnh Danh thân biến và nghe luận bàn trí tuệ thì sẽ được lợi ích không nhỏ, nên cần phải đi theo.

2. Ba quán nhiếp thọ dẫn nhập.

3. Vì giúp thành giáo tịnh độ. Ngài Kinh Khê nói: Tùy chương dứt nhiều ít. Chương tức là nghiệp đời trước. Chương phải đủ ba. Vì trong cõi Đồng cư có phân tịnh uế, thế nên chương tất cần phân ba, chỉ là ba thứ không đồng duyên tập. Nếu người Nhị thừa đã nhập vị, thì cũng có thể theo giáo hiển lộ mà nói. Lại cũng cần nói khiến nhập vị hiển lộ mà thành sinh tô. Ở ý thứ bốn là vì người sau dẫn nẻo, là mỗi người đều sinh tịnh quốc, đầy đủ như văn trước trong phẩm Phật Quốc.

4. Dẫn đường để nhập Đại phẩm Pháp Hoa. Đã nhập chánh vị là đã chứng quả Nhị thừa. Trước tuy..., ngài Kinh Khê nói: “Trước căn cứ vào người chưa chuyển cũng kể cả người đã chuyển căn và ngộ bí mật. Các văn trên dưới tất cả đều như thế, lời nói không nệ việc làm, văn ít mà việc đầy đủ. Cho nên một mực lấy hiển giáo mà nói. Nếu đến Đại phẩm..., là văn này cũng dựa thứ lớp mà nói. Không thể chuẩn theo chuyển giáo quán ở trước... là trước đã tóm chung Đái chỉ rồi. Từ đây trở đi tất cả các chỗ đều khác. Lại cần phải thuật ý, nên nói là lợi căn khi phát thì bất định, đầy đủ như trước nói.

5. Trở về chỗ Phật để kết định. Đối việc Phật ấn định thì trước nêu chương chỉ nói kết định. Ngài Kinh Khê nói: Kết tức là ấn. Nói kết là vì công việc giáo hóa của Đại sĩ vừa xong. Tóm tắt cơ nghi lý ở giáo đã thành nên nói là kết.

Hỏi: Trước ấn có thể như thế, cần gì nói sau?

Đáp: Không phải sau việc làm viên gọi là sau. Trước tuy nghe kể lại việc chê trách mà chỉ được ngầm ấn nên không biết ngầm ý của tông chỉ ở đâu. Đến sau này khi vào thất nghe nhiều thắng nhân, lại thấy Đại sĩ thi thố nhiều quyền biến sau khi vào thất nên nói là sau. Các sự lý như thế không dễ dàng, nên nhờ Đức Như Lai đối trước chúng mà ấn khả. Lại nhờ Thiên đế phát nguyện lớn hộ trì lưu thông và Phật kể thành để truyền đời sau. Chuẩn theo đây thì cần phải trở lại Am viên để khởi phát cho A-nan. Tức ở đầu phẩm Bồ-tát Hạnh, A-nan bạch Phật do nhân duyên gì mà ứng hiện điềm lành..

Ngài Văn-thù kham việc thăm bệnh, có hai: a, nêu bày. b, chánh giải thích:

1. Ở vị cao. Tất cả đều cao trở đi, là bậc Đẳng giác có sơ, trung và hậu tâm, nên ngài Văn-thù tu hành đã lâu, tức là hậu tâm Bồ-tát. Đây cũng một thứ, Tiêm sư nói: Vì đều trông vào giải thích sau, do đó vẫn trước chỉ thành một thứ.

2. Thùy tích. Ngài Văn-thù là trong chủng Như Lai, theo kinh Lăng Nghiêm nói.

3. Hiển viên. Ương-quật từ tiểu, tức phần ít là hoàng hóa thiên, nên bị Ương-quật chê trách, phần nhiều là hoàng hóa viên nên cùng đồng sự với ngài Tịnh Danh.

4. Thỏa thích tình chúng, ngài là vị đại thần ở tả diện, hơn nữa thuận theo phương này đã phân tả hữu. Các điều khác như trước đã ghi.

5. Tùy vật cơ.

Từ “các Bồ-tát ... lưỡng chùy”, ngài Kinh Khê nói: Không nói Nhị thừa chỉ nói Bồ-tát, chỉ là cùng không cối chày mà thôi. Vì dùng sức nên được tên hai chày, tất không thể nói hai cối. Cũng có thể dùng cối chày như lúc mới vào thất. Ngài Văn-thù hỏi và ngài Tịnh Danh đáp. Đến phẩm Quán Chúng Sinh thì ngài Tịnh Danh bèn mời ngài Văn-thù nói pháp. Đến phẩm Bất Nhị Môn thì cả hai Thánh cùng dùng cách nói và im lặng để lợi vật. Cũng có thể nói rằng ngài Văn-thù dùng chày nói năng để giả đập cối chân lý của ngài Tịnh Danh để thành lợi ích trung gian xứng giáo, mới hội được cái dụng của lý giáo chày cối. Được ngài Tịnh Danh khen ngợi. Tiêm sư bảo: Kinh nói: Thiện lai! Văn-thù-sư lợi... là đó.

Giải thích hai bệnh quyền thật, nêu ý nói chung, nói hai bệnh. “Nếu từ ...” là luận trước sau. Năng hóa tức Đại sĩ, sở hóa tức chúng sinh. “Văn nói...” là chứng tỏ năng hóa. Trước chứng tỏ bệnh quyền trước. “Lại nói...” là kế chứng tỏ bệnh thật sau. “Cho nên tịnh...” là chứng tỏ sở hóa. Vì chúng sinh có bệnh thật trước, thì ta có bệnh quyền sau. “ Nay ước...” là khai chương giải thích riêng, bệnh thật, nêu bày phân chương. Y chương chánh giải thích, luận về bệnh tướng nhân quả. Sái ngại, sái là bệnh. Đồng hợp mà tánh khác. Tức sắc thân như cái hộp, bốn đại như rắn độc. Kinh Quang Minh nói: Hai rắn đất nước tánh nó chìm xuống, hai rắn gió lửa tánh nó nhẹ bốc cao. Cùng khởi tăng giảm, là nếu nước tăng, lửa giảm yếu, thì thành bệnh lạnh... các đại kia so đây mà nói. Giải thích, nhân của bệnh. Ngài Kinh Khê nói: Tham dục đến một thân, ba phần trước dẫn kinh lập nghĩa. Đẳng phần đối thân là hơi giống thân mà thôi. Tuy theo nghĩa, nhưng nghĩa thông với thật. Tất nhiên thật là do lý tâm.

Giải thích bệnh của quả, căn cứ bốn đại. Căn cứ bốn tướng. Như điềm lành... ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Vì sao không nói sinh? Đáp: Ba do sinh, sinh cũng do ba, cho nên không nêu riêng. Lửa dụ cho tham, là lấy mình nhiếp người khác như lửa đốt củi. Nước dụ cho sân, vì tâm sân phá hủy lòng từ như nước nhận chìm mọi vật. Nay một mực..., ngài Kinh Khê nói: “Hai nghĩa chung riêng đối lý mới thành. Vì sao do đây mà ba cõi cảm chung ở thân. Riêng đối không phải không chung tạo ra các thiện. Cho nên dẫn văn chung để thành riêng.

Nhân quả chung riêng. Mỗi thứ đều có chung riêng, là đều lấy việc mọi người chung có làm chung; riêng tạo riêng phát mà làm riêng. Nhân chung riêng như văn. Trong quả nói bốn đại bốn khổ là chung. Bốn khổ tức là sinh... nếu trong nhân thì chỉ có chung, nghĩa là không riêng tạo bốn trọng tội... thế nên chỉ cảm thân bốn đại bốn khổ trong loài người. Cho nên nói khi là quả cũng thế. Nếu trong nhân mà riêng tạo tội từ trong thập ác, thì riêng phát khổ nặng ba đường. Cho đến được sinh trong loài người.

Riêng chịu bốn đại tăng tổn, bốn khổ gia tăng. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: Tội sát sinh hay khiến chúng sinh đọa vào ba ác đạo. Sau sinh làm loài người bị hai quả báo: Một là nhiều bệnh; hai là yếu mạng. Trái thập ác mà nói thì đây là nhân riêng mà phát quả riêng. Nhiều bệnh thì bốn đại tăng tổn, chết yếu thì bốn khổ gia tăng. Mạnh yếu, tức nặng thì mạnh, nhẹ thì yếu.

Căn cứ độ nặng nhẹ, ngài Kinh Khê nói: Căn cứ độ nặng nhẹ, là tuy luận ngang mà lại nhiếp dọc. Lại có cõi Đồng cư, thì nhân bệnh của thiên đạo và địa ngục đều nói là không nhất định. Vì căn cứ tâm mà luận thì thường khởi thiện ác, cho nên trời không nhất định là thiện, mà địa ngục không nhất định là ác. Cõi Hữu dư, Chánh giải thích. Chỉ có Biệt giáo chung riêng... ngài Kinh Khê nói: Bạc thượng trung cõi Hữu dư, tuy có Tạng, Thông năm người sinh ở đó đến đó không còn tên Tạng, Thông. Giáo đó đã hết thì tên và ngôi vị cũng mất. Căn cứ người chưa thấy lý biệt, tức là địa tiền của Biệt giáo. Cõi ấy khắc thiết chỉ có hai thứ người Biệt Viên. Từ tiệm giáo nói Tạng, Thông, mới chuyển hoặc nhập Biệt, mới chuyển há chịu hoàn toàn không nhập Viên, chỉ là phụ theo văn nói theo Biệt. Liệu giản, chọn bệnh là nhân bốn phần. Ngài Kinh Khê nói: Đáp: phần vô vi duyên tập... tức tên đồng mà nghĩa khác, tức cùng ái kiến ba cõi nội giới thì bốn phần có thể khác hẳn nội giới, hưởng lại ngoại giới phương tiện mà nói ư? b, chọn bệnh là quả bốn đại. Ngài Kinh Khê nói: Đáp cũng có biến dịch... là nhẹ không nặng, nên

chỉ nói chung. Nói đủ thì có địa... bốn đại và sinh... bốn khổ, chỉ khổ quả kia cùng với tâm thì thể đồng. Vì từ tham... mà được tên bốn đại, cho nên khiến sinh... mỗi niệm đều biến dịch. Vì biến dịch nên gọi là sinh tử. Vì có sinh tử mà mặc tình già bệnh. Chọn quả bệnh rất nhẹ. Ngài Kinh Khê nói: Sở dĩ không hỏi khổ sinh tử là vì biến dịch sinh tử các giáo đã nói rất nhiều. Do đó chỉ nghi khổ già bệnh mà thôi. Cõi Thật báo, chánh giải thích, thích tướng bệnh. Ngài Kinh Khê nói: Cũng gọi là nhân duyên, chỉ vì chưa thấy lý, nên thuộc nhân duyên. Nên cùng nội giới có tên đồng mà thể khác. Tức pháp tánh là nhân, vô minh là duyên. Không thành bệnh thật. Không viết chữ cũng là lầm. “ Nhưng biến ... ” là đối trước mà chọn bày, có hai: a, riêng đối hai cõi. Biến dịch là tên chung vì không có nội giới phần đoạn sinh tử, thì ngoại giới gọi chung là biến dịch, vì nhân đời quả đổi vậy. Nếu luận riêng về quán giải đoạn hoặc, thì có phương tiện, quả báo hai thứ khác nhau. Nếu luận về tự thể, tức cõi quả báo có tự thể duyên tập. Cho đến không có hậu hữu, đây là đối cõi quả báo mà ước nhân duyên. Và Thập địa có hậu, Đẳng giác không hậu. Các vị đều phá hoặc trên dưới trông nhau lại luận nặng nhẹ. Dựa chung mười giới. Đối trước mà nói hai cõi chỉ ở bốn Thánh, nay đối sáu phàm chung thành mười giới, mà luận bệnh nặng nhẹ. A-tỳ là bắt đầu của sáu phàm, Đẳng giác là cuối cùng của bốn Thánh. Trông về rốt ráo đều có thật bệnh. Vì quả báo tức quả phần chứng, cho nên được gọi Phật giới có bệnh. Nói đủ là Nhất-xiển-đề. Hán dịch là ác dục là ác dục, bậc nhất, nghĩa là không tìn... năm căn, hoặc dịch là tìn bất cụ “không đủ tìn). A-tỳ, Hán dịch là vô gián. Vô gián có hai: Một là thân; hai là chịu khổ, vì nhân bệnh Xiển-đề cảm quả bệnh vô gián. Đây là bệnh riêng rất nặng. Từ chín giới trên truyền luận nặng nhẹ lược bỏ tám giới nên nói “cho đến”. Lại ở Phật giới lược bỏ sơ trụ... nên nói “cho đến”. Cho nên một cho đến hai phen lược bỏ.

Liệu giản, chọn nhân bệnh. Dẫn thỉnh Quan Âm, đã tịnh được độc căn liền thành Phật đạo. Nghiệm là ngoại giới phá vô minh thấy Phật tánh. Không hiểu rõ tự thể được nói là ba cõi. Đã gọi ba cõi tức là bốn phần. Chọn quả bệnh. Đã có... ngài Kinh Khê nói: Đã chịu sinh tử nào ngại gì bốn đại. Bốn đại đã riêng nên dẫn Đại phẩm tất cả pháp thú. Bốn đại ngoại giới là tên đồng thể khác, lý đó không chút nghi ngờ. Kể dẫn Đại kinh nói vị rốt ráo, thì bốn đại bốn khổ đã hết, cho nên không bị sinh tử biến dời. 3. Chê xưa. Còn như giáo nào, là vừa dẫn kinh Niết-bàn nói Phật chẳng bị sinh tử biến dời, đâu không phải là Đẳng giác cũng còn bị sinh tử biến đổi ư? “Huống lại ...” là nói từ si mà có ái, là

chung cho cả Đẳng giác. Há không bị sinh tử ư? Đây là thành giáo, các sư nào có trái gì. Ngài Kinh Khê nói: “Xưa chưa biết văn này khó hiểu. Nếu không được ý nay làm sao có thể giải thích trong phẩm Quan Âm về các thứ quả báo, ác nghiệp, phiền não, lửa, nước, gió... khác nhau. Từ si có ái, cho nên trong Đẳng giác một phần vô minh cũng gọi là si ái. Từ si ái này mà cảm một phẩm sinh tử ở địa Đẳng giác, bèn thường vì vật mà thọ sinh si ái. Nếu không phải thế thì đạo cảm ứng không đồng, việc hóa độ chưa khắp. Nếu kim cang ...” là vô minh của Đẳng giác cũng gọi là si ái. Bày đồng Đẳng giác, hóa độ khắp vậy.

Căn cứ cõi Tịch quang, chánh giải thích, rốt ráo không bệnh. Có hai thứ:

1. Chỉ ở cực quả.
2. Chung cả hạ địa.

“Nếu thông...” là căn cứ trung hạ có bệnh, căn cứ Biệt giáo. Ngài Kinh Khê nói: “Đây có hậu mà không có hậu sinh tử. Chỉ lấy đây hai ngôi vị là trung và hạ. Nếu nương kinh Nhân Vương... đối vị vô hậu Đẳng giác để lập hai sinh mà không lập Đẳng giác. Nhưng nói ở vị Thập địa có ba sinh thì lập vị Pháp vân mà làm mới sinh. Chuẩn theo đây chỉ lấy trụ sinh chung sinh để làm Tịch quang. Lấy mới sinh vì nương thật báo, cho nên nói là nhân duyên. “ Riêng hai ...” là ước Viên, chọn Biệt nương Viên, ngài Kinh Khê nói: Biệt giáo này là phương tiện, vì y kinh Nhân Vương nên không lập ba mươi tâm làm vị đoạn vô minh. Lại một địa pháp vân mà phân làm ba phẩm, nên thành Biệt. Hống là có giáo mà không người chưa thể dung y. Nay đối Tịch quang nương Viên giáo. Cho nên ba mươi tâm của Viên giáo đều là nhân duyên. “ Tuy làm ...” là chọn nhân nương quả. Ngài Kinh Khê nói: Chưa thể dùng nhất định, là vừa rồi tuy đối Biệt Viên hai giáo và Đẳng giác hữu vô để lập nghĩa trung hạ của Tịch quang, chưa là, nếu chỉ lập thượng phẩm làm nhất định. Hống lại tạm mượn tên Nhiếp sư (Vô Trước). Liệu giản, hỏi, ngài Kinh Khê nói: “Ý này hỏi do dụng có hậu sinh tử..., nói là nghĩa của Nhiếp sư, thế nên suy ra là thuộc ngài Thiên Thân, Huyền Nghĩa nói: Ngài Vô Trước tạo luận Nhiếp Đại thừa. Vô Trước tức là anh ngài Thiên Thân đều là Ngũ tánh tông, nhưng tông pháp tướng thanh hành nhất là do ngài Thiên Thân, nên nói là nghĩa Thiên Thân. Đáp, nói hai Thánh đồng ngộ nghĩa hợp thông dụng. Cùng nhập Bất nhị pháp môn là chỗ chứng diệu lý một thể Không khác. Bốn Tất-đàn tùy cơ lập tông hai thứ khác nhau. Ngài Long Thọ nối ngài Văn-thù nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh gọi là nhất tánh tông. Ngài Thiên Thân nối ngài Di-lặc

nói ba Không hai có, gọi là ngũ tánh tông. Ba Không tức là Xiển-đề, định tánh và Nhị thừa, đều là không có Phật tánh, không được làm Phật. Hai có là bất định và Bồ-tát cho là đều có Phật tánh và ở vị lai sẽ thành Phật. Cho nên Tây phương và cõi này người sinh đến, đến nay có hai tông khác nhau. “Nay vốn ...” là Đại sư tuy nối ngài Long Thọ nhưng quán pháp và cách giải thích về danh tướng Phật kinh nào khác ngài Thiên Thân. Huống biết nội chứng vốn đồng, tùy cơ mà tạm có khác. Cho nên ở văn này phải chăng là dùng nghĩa của Nhiếp sư. Ngài Kinh Khê nói: Đáp ý tuy như thế nhưng chỗ dùng của nhà ta gốc ở ngài Long Thọ. Cả hai tông rức rở cùng làm sáng tỏ kinh Phật. Nếu phân biệt kỹ thì đời xem ngài Thiên Thân là tông pháp tướng, còn ngài Long Thọ là tông pháp tánh. Việc đó có thể biết. Ngài Long Thọ ra đời khi Phật diệt độ năm trăm năm, đến năm chín trăm ngài Thiên Thân mới xuất hiện. “Nhưng ...”, là nghĩa phù hợp với ngài Thiên Thân để lập bỏ sự chê bai của các người khác. Địa nhiếp chiếu nhau, Địa Trì luận là của ngài Di-lặc tạo ra, cũng là tông của ngài Thiên Thân. Nay một nhà ta giải thích kinh, há chỉ nối tông quán pháp ở ngài Long Thọ. Đến như danh tướng nghĩa môn tất cả đều nương vào trí luận và trung luận. Nếu pháp tướng có thiếu thì lấy các tông khác mà bổ trợ, các văn đều thế, không riêng trong đây. Đã không phải chánh dụng nên nói là chiếu nhau. Hoặc vị ...” là đã dựa vào ngài Thiên Thân thì kẻ khác không chê trách.

Quyển bệnh, có năm: Song năm hạnh này gồm nhân quả thể dụng. Trong Niết-bàn sơ phân biệt rất rõ. Nay lấy Thánh hạnh làm nhân, Thiên phạm làm quả. Thiên phạm là thể, bệnh nhi làm dụng.

Hỏi: Các văn hoặc nói Thánh Phạm là nhân, nay sao lấy Phạm hạnh ở quả?

Đáp: Thánh, Phạm hai hạnh đều chung nhân quả. Đối với Thiên hạnh lấy hai thứ làm nhân, nay nói ở quả thì có gì nghi? Vì Thánh tức ba học, Phạm tức bốn đẳng. Cho nên biết giới, định, tuệ Từ bi nhân quả đều có luận về chánh phụ, cần phân biệt. Ngài Kinh Khê nói: Từ Thánh sinh Thiên phạm..., đây là do nhân chứng lý, từ lý khởi dụng, dụng lại chỉ nhân. Cho nên nói Thánh hạnh cho đến mà khởi hỏi: Trời đã là chứng sao gọi là hạnh? Đáp: Từ trời khởi hạnh, nên gọi là Thiên hạnh. Cho nên vị của Thiên hạnh ở tại Địa Trụ, nghiệm mà biết là từ Thánh hạnh của hai thứ Biệt Viên mà sinh.

“Anh Nhi...” là giải thích riêng bệnh nhi, nêu bày chỗ khởi chỉ đồng với thiện Tiểu thừa nên gọi là anh nhi, chỉ đồng có ác nên gọi bệnh hạnh. Đồng thiện là ban vui, đồng ác là cứu khổ, cho nên hai dụng

này là do Từ bi. Nên vừa rồi Kinh Khê có nói: Dụng lại chỉ nhân. Thế nên có người lấy Thánh làm nhân tự hành, thiên là quả tự hành. Phạm hạnh là nhân hóa tha, Bệnh nhi là quả hóa tha. Cho nên nhân đối Từ bi mà có hai hạnh. Phạm thông cả nhân quả, đã lược nói. “ Vì sao ... ” là dẫn giải thích tự tha, có hai: a, nói tự hành thì không. Các ác dứt hẳn là hiển bày hạnh không. Anh nhi thiện Tiểu thừa so với Phật vẫn ác. Các thiện khắp hội, tức là thiện hạnh rốt ráo vậy. Thiên lý sáng rõ, định tuệ trang nghiêm, nên nói là khắp hội. “ Có gì ... ” là trước không có nhi hạnh thì sau không có bệnh hạnh. “ Chỉ vì ... ” là vì hóa tha bày có, có hai: a, chánh nói hai hạnh. Hình đầy pháp giới, là hiện cảnh tượng mười giới. “ Nếu đây ... ” là nói do cơ dứt nên phải hết. Ngài Kinh Khê nói: “ Là nói nguyên do dứt hai hạnh. ” “ Chỉ chúng ... ” là kết bày tùy cơ. Ngài Kinh Khê nói: Cơ sinh gọi là hưng. Nếu ước bệnh vật có lúc nào chẳng hưng. Cho nên vẫn ... ” là dẫn chứng thành. “ Nay tịnh ... ” là kết chỉ Tịnh Danh. Ngài Kinh Khê nói: Ước pháp từ người, trước tuy luận chung, ý bày ở vẫn nay. Ý vẫn cũng khắp chung các cõi (cõi). “ Nhưng thật ... ” là giải thích riêng, có ba: a, chỉ trên nêu nay. Nay quyền bệnh cũng ước vào bốn cõi (cõi). Ngài Kinh Khê nói: Song bốn cõi đều có hai bệnh quyền thật. Nếu ước cõi Tịch quang mà hiện quyền bệnh thì chỉ có thật báo, thì trong mỗi vị có một thật một quyền. Nếu trong Phương tiện cũng có thần thông thì được gọi là quyền bệnh, nhưng không được gọi là quyền ứng hóa. Thế thì hai độ cũng quyền cũng thật. Còn hai cõi Đồng cư một mực chỉ có thật. Ở trong đồng cư mà được thật ích, thì cũng có thể tùy nghĩa mà phán giải thích không đồng. “ Một đồng ... ” là nói bốn cõi, có bốn: a, cư, có hai: a', uế, có hai: a", chánh giải thích. b", liệu giản. Ý đáp: Phật giới tức là vị tương tự của viên, từ Thất tín trở về trước, còn Bồ-tát giới ở Biệt, từ Thất trụ trở về trước. Ở thông tức đã luận trở về trước. Thanh văn tức ba quả trở lại, còn Duyên giác chỉ là phạm vị một phen dứt trừ. Song Nhị thừa chưa nhập vô dư cũng là bệnh chung về có quả. Bồ-tát Phật giới chưa sinh cõi phương tiện. Chuẩn đây có thể biết. Cho nên nói căn cứ các nội giới đến chưa hết. b', tịnh, ngài Kinh Khê nói: “ Nhân thiên đều bốn, nên gọi là sáu giới. Song trong tịnh độ tuy không có người Nhị thừa tằng giáo, nhưng cũng có thể được với người Nhị thừa Thông giáo, cùng Bồ-tát ở ba giáo sau và Phật, nên thành sáu. Do đó cũng được tên là sáu giới. Cõi hữu dư. Cõi quả báo. Nhân duyên hữu hậu... ở trong bảy thứ thì ba thứ sinh tử này đều thuộc quả báo. Cõi Tịch quang. “ Thế thì ... ” là kết bày quyền bệnh. Quyền đồng bốn cõi, ngài Kinh Khê nói: Thật báo, phương tiện và hai cõi Đồng cư nên nói

là bốn cõi. Vì Tịch quang rốt ráo nên không có thật bệnh. Cho nên nay nói nếu ước trung hạ đồng cõi thật báo thì nói bốn cõi đồng cư hợp nhất cùng nghĩa ngài Kinh Khê, chung thành hai giải thích. Liệu giản, có hai: a, hỏi, ngài Kinh Khê nói: Hỏi lời này, là lấy độ nhìn người, người ấy cũng có thật bệnh, sao có thể vô chướng ngại mà hiện quyền bệnh ở địa Đẳng giác ư? Đáp quý chung, ngài Kinh Khê nói: Trước lấy bản tích cao thấp, bốn câu không thể suy lường mà đáp. Song nếu nói ngài Tịnh Danh bản là Kim Túc Như Lai thì là bản cao tích thấp, đâu không thể hiện thật báo quyền bệnh ư? “Chỉ quyền ...” là chánh đáp, có hai: a, nêu chung. Ngài Kinh Khê nói: Từ thật vị mà giải thích. “Nếu diệu ...” là nêu riêng, nói Tịch quang chỉ có quyền. “Đẳng giác ...” là nói ba cõi đều có, có hai: a’, cõi thật báo, có hai: a”, chánh nói Đẳng giác hai bệnh quyền thật đều có. “Như đây ...” lệ nêu vị dưới. Cõi Hữu dư. Cõi Đồng cư. Quán tâm. Ngài Kinh Khê nói: ước quán tâm thì nghĩa chung cả sơ tâm. Thế nên nói vậy. Như người không tham quyền hiện tham... cho nên nói không bệnh mà thị hiện bệnh... hoặc tự hành... là nói nguyên do thị hiện quyền bệnh. Tự hành tinh chỉ có thể quyền hiện giải đãi, không thể thật đọa mà thị hiện tinh tấn, giáo hóa lợi ích bất định ý ở tùy nghi. Cho đến tất cả, là tất cả quỷ thần cũng có quyền biến hình tướng giả hiện. Việc thông mà ý hạn cục. “Như đây ...” kết khen, khen chỉ có Phật mới có thể biết. Nay tịnh ...” là ngài Văn-thù khéo hiểu. Nói nhân bệnh sinh ra sáu phẩm, nói nhân bệnh có phẩm, Chánh bầy. Sáu phẩm đều theo đến cho nên có. Nghĩa bệnh là quyền, bệnh là thật sinh ra các phẩm. Giống như Phù khế. Văn Tâm Điều Long nói: phù là phù khi gọi mời phòng việc giả dối nên phải trưng phù, đời Tam Hoàng dùng ngọc thụ, nhà Hán dùng vàng và thẻ tre. Mạt Đại từ tỉnh đại dùng viết thư. Khế là kết, thắt buộc. Thời thượng cổ thuần hậu chất phác thắt dây kết bạn. Nay bảo vào văn nêu giải thích đều hợp với đây. Nên nói như Phù khế. Phá xưa hiển nay, hỏi: Ngài Kinh Khê nói: Năm nguồn tám cõi, là ý người xưa nói: một phẩm Thăm Bệnh là ngài Văn-thù đến thất ngài Tịnh Danh là trừ bỏ bao nhiêu cõi nguồn ở năm phẩm sau. Tám cõi, là đến phẩm Pháp Cúng Dưỡng cũng là chánh kinh, cho nên phẩm Thăm Bệnh là đầu mối tám phẩm của chánh kinh. Đáp, chê xưa, chủ đáp toàn sơ. “Nay nói ...” là hiển nghĩa bệnh nay cùng khắp, bày chương nêu ý. “Ba do ...” là y chương chánh giải thích. Ngài Kinh Khê nói: “Ba nguyên do... là nhân giải thích xưa, nay cũng lập ba nên cũng gọi là do, nhưng nghĩa có sai khác chút ít. Chỉ từ bệnh sinh Không phải nguyên cả phẩm mà là nguyên do xưa, chỉ ba chỗ do bệnh nên nói ba nguyên do:

1. Chúng tục .
2. Chúng Thanh văn.
3. Chúng Bồ-tát.

Sáu nguồn, ý nói thị hiện bệnh là do nguồn gốc sáu phẩm. Văn đầu của phẩm Thăm Bệnh cũng không có cội nguồn về điều phục ủy dụ và năm phẩm sau là sáu nguồn.

Tiếp vào văn, nêu giải thích, Phẩm Thăm Bệnh.

Lược nói hai bệnh quyền thật, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, Phật sai ngài Văn-thù. Ngài Văn-thù vâng lệnh, nêu ý phân khoa. “nhất tự...”, tùy văn giải nghĩa, Vâng lệnh đi thăm bệnh, tự khiêm nhường. Lễ thường của người tu. Chữ hành đọc bình thanh, cũng nói là người sử giả. Vâng lệnh sắp ra đi lễ nghi khiêm tốn, nên nói là thường nghi (lễ thường). Luận đáp không phải dễ. Chữ vãng phục “qua lại” cũng như hỏi đáp qua lại. Nói khiêm nhường về việc hỏi đáp, có hai: a, phân khoa. Khiêm nạn, nạn đọc khứ thanh, là sợ vấn nạn. Tùy giải thích, trí sâu rộng, thật trí sâu rộng là đọc gần bậc diệu giác nên nói là sâu, ngang khắp pháp giới nên nói là rộng. Như quyền trí đến không phải yếu. Ngài Kinh Khê nói: Hai trí có thể đồng, đều được gọi là nói quyền nói thật. Nay cũng quyền biến tùy tình luận chơi để nói về việc này. Như ở Pháp Hoa quyển hạ phẩm năm thí dụ về Chuyển luân vương thường cho vàng bạc bảy báu là dụ nói bảy Giác chi của quyền tiểu. Ban cho minh châu lấy từ búi tóc, là dụ nói pháp khai hiển viên thật. Ngọc minh châu, thì sáng (minh) là dụ cho trí trung đạo, tròn là dụ cho thường. Ở trên đỉnh đầu là ý nói cực quả. Trong búi tóc, thật vì quyền mà ẩn kín. Mở búi tóc tức là khai quyền. Ban cho minh châu là hiển thật. Bộ tuy khác tiểu mà đối viên cơ luận bàn cùng Pháp Hoa không khác, cho nên lại dẫn. Bốn câu, ngài Kinh Khê nói: Hai cú trước là ba giáo, hai cú sau là Viên giáo. Đây tức...” là dùng Đại kinh ba cú thứ lớp phối ba giáo, sinh bất sinh phối Biệt giáo, ý như giải thích trước.

Luận về phó duyên. Nói ba giáo..., ngài Kinh Khê nói: Đã nói phó duyên, lý cần nói bốn. Nay dùng quyền nên lại nói ba. Biết bệnh... là bệnh khổ tập của ba giáo và thuốc diệt đạo. Nói nhân quả đức mãn là pháp thức quyền thật tức là việc tu quán đoạn hoặc nhanh chậm, trải vị cao thấp, hóa độ nhiều ít rộng hẹp... đều là pháp thức. Không phải chỉ... ngài Kinh Khê nói: Ý nói tiếng biết tất cả thì cũng là nói quá mức những kẻ chưa chứng. Cho nên để thành tựu bèn căn cứ chứng mà nói không cốt nói nhanh. Vụ thì trong Hoàng kháng số là mền mộ. Công hóa tha, ngài Kinh Khê nói: Mười phương... tức có nghĩa thông cả đọc

ngang. Tám phương ngang tức Đồng cư tịnh uế hai cõi, trên dưới dọc tức là Hữu dư, quả báo hai cõi vậy. Ngài Kinh Khê giải thích một lượt hai cái này. Nay bảo rằng mười phương là ngang tất bao hàm cả dọc. Vì không lìa Đồng cư mà có ba cõi “độ) cho nên như phẩm Thọ Lượng của kinh Pháp Hoa.

Kết hai trí rất ráo. Chánh vâng lời thăm bệnh. Nhờ vô đẳng, ký là mong. Đại chúng đều đến, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, chúng muốn theo đến. Văn-thù và chúng cùng đến. Chủ khách đối đáp qua lại, phân khoa. Ngài Tịnh Danh là chủ, ngài Văn-thù là khách, khách hỏi chủ đáp tức qua lại. “Sơ hựu...” là tùy giải thích, ngài Tịnh Danh hiện tướng thất trống, có hai: a, phân khoa nêu ý. b, “trước nói ...” là tùy văn giải nghĩa, thần lực làm thất trống, lược nêu bày ý, “thất trống ...” là nêu ý, thành trước. Sinh sau. “Nay căn cứ ...” là rộng giải thích các biểu hiện, chánh căn cứ bốn cõi, cõi Đồng cư, Uế, tịnh.

- Cõi Phương tiện.

- Cõi Thật báo.

- Cõi Tịch quang.

Ngài Kinh Khê nói: Thường Tịch quang rất ráo thanh tịnh, để biểu thị cho rất ráo. Nếu căn cứ tự hành hiện tướng này là chính nói: Ta cùng Văn-thù vì trừ các làn khói mỏng, nên dùng để biểu hiện, vì người khác cũng thế. Nên lý cần theo biểu hiện rất ráo. Quả báo ở cuối, cũng chỉ cho Đẳng giác. Cho nên Địa Trì... câu trên giải thích nguyên do. “Kế lìa tất cả ...” là chánh nêu đoạn chướng, gọi là thiền nói là Đẳng giác. “Nếu biểu ...” là kết hiển quyền thật. Ngài Kinh Khê nói: Nếu biểu thị... là đủ như giải thích trước về hai bệnh quyền thật mỗi người tùy mình có mà nói quyền thật, không đồng.

Vì bệnh mà nằm, chánh giải thích, lược nêu bày ý, lược nêu. “đây cũng...” là bày ý, thành trước. Sinh sau. “Sở dĩ...” là rộng giải thích các biểu thị, có hai: a, giải thích giường bệnh. “Nằm biểu thị ...”, giải thích nằm, chánh giải thích các biểu thị. Ngài Kinh Khê nói: Tâm yên không động... là trí khế hợp với cực cảnh đoạn dứt được trọn, không phải là nguyên phẩm vô minh đã dứt hẳn đến được trí đoạn rất ráo. Há khiến ba việc đều đầy đủ cũng được tên trọn. Ngài Tịnh Danh tuy ở bậc Đẳng giác nhưng các thị hiện đều thành rất ráo. “Cho nên đại ...” là dẫn kinh để chứng thành. Ngài Kinh Khê nói: dẫn ý kệ an miên này tức là khuôn phép chân tánh. Thật tuệ từ bi tức là Phương tiện giải thoát. “Như người ...” là giải thích tự tha, có hai: a, lập dụ. b, “thật ...” là hợp giải thích. Thật tuệ cũng thế, là hợp dụ như người vậy. Thật tuệ ngầm pháp thân

như không có bệnh ngũ. Thật tuệ khởi ứng dụng như có bệnh ngũ. Thật tuệ tức là báo thân. Căn cứ tự hành thật tuệ ngấm chân. “Nếu có ...” là căn cứ hóa tha. Thật tuệ khởi ứng, chánh nói tức là thật tuệ pháp thân ứng hiện. Báo cùng pháp thân hợp lại hay khởi ứng dụng như nước bạc hòa cùng vàng ròng, hay tô vẽ các màu sắc.

“Nếu tịnh...” là kết như trước. Liệu giải, có hai: a, chọn biểu thị của bệnh. b, chọn biểu thị của giường. Nay giải Tịnh Danh... ngài Kinh Khê nói: Khuyên bỏ chấp. Dùng cách Trang Chu nói thác lời lập giả thiết đặt tên người này là võng tượng. Ý nói bổng võng tượng được ngọc châu. Tìm xét kỹ chỉ e mất báu. Huống lại chuyển dụ thật có bằng cố. Nói về Võng Tượng được châu, sách Trang tử, Thiên Ngoại có nói: Huỳnh đế dạo chơi vùng Bắc Xích thủy, lên gò Côn luân nhìn về phương Nam nhớ cố hương còn để hạt huyền châu. Sai Trí đòi mà không được. Sai Ly Chu đòi không được. Lại sai Khiết Hậu đòi cũng không được. Bèn sai Võng Tượng, Võng Tượng đòi được. Huỳnh đế khen lạ thay! Võng Tượng mà đòi được ư?! Chuyện có ý nói: Dứt hết suy nghĩ, nên trí đòi không được. Lìa thanh sắc nên Ly Chu đòi không được, lìa bỏ nói bàn nên Khiết Hậu đòi không được. Võng Tượng là nghĩa vô tâm, vô tâm bèn đòi được. Khiết Hậu đọc là kha khâu là nói khéo. Văn nói về châu hiện tướng thì biết biểu thị, có hai: a, chánh giải thích. b, liệu giải, hỏi và đáp, trưng văn chỉ nghĩa. Biểu thị độ, biểu thị thân, là biểu thị Tịch quang pháp thân. Ngài Kinh Khê nói: Như đối văn bốn bất khả thuyết mà ứng biểu thị cho bốn cõi ba thân. “Lại ...” là nêu hơn huống là kém. Ngài Kinh Khê nói: Lại Văn-thù còn biết muốn nói Pháp Hoa, là nếu lấy Tịnh Danh so với Như Lai thì thật không dễ, huống Pháp Hoa Phương đẳng khó dễ có thể biết, tin biết. Kinh nào lại chẳng có mưa hoa trời, đất rung động, phóng quang ở chặn mây. Văn-thù vừa nhìn thấy thì biết khác một đời. Liền nhớ khi trụ thế đã từng thấy nghe. Cho nên khi thấy điềm lành liền dẫn đên mà giải nghi cho Di-lặc. Tức là đoán biết nay muốn nói diệu pháp. Việc này còn biết, huống là Phương đẳng ư?

Ngài Tịnh Danh khen ngợi ngài Văn-thù, có hai: a, nêu ý phân khoa. b, tùy văn giải nghĩa, chánh khen ngợi, lược giải thích. “Dư phi...” là rộng giải thích, chọn không phải thiện lai. Ngài Kinh Khê nói: “Trong cầu vô dư. Tiếng vô dư vốn ở tam tạng. Thông tuy khéo hơn cho đến đoạn hoặc, song quả cầu không ngoài vô dư. Quả là ước nguyện nên nói trọn cầu. Chuyển tâm quán, tâm tức tâm này, thứ lớp mà quán, tức Sơ địa song lưu, sở dĩ chê trách Bồ-tát phần nhiều ở ba giáo và mất ý viên. Là hỏi ai là người được vị thứ bảy là Viên giáo hậu tâm? Đáp:

Viên giáo mất ý nhất định là ở sơ tâm. Cùng vật không duyên, là chọn bỏ thứ sáu, bảy. Nếu bị chê trách, là chọn bỏ bốn thứ trước. Nay nói chung là được làm thuyết này. “Nay, văn...” là hiển bày thiện lai. Giải thích khen, tướng không đến mà đến, dẫn xưa để phá. Nên khen Nhị thừa, ngài Kinh Khê nói: Hai đế ngữ thông trách dị đồng mà thôi. Ngài Tịnh Danh đều nên khen các Bồ-tát, là từ Địa, Trụ trở lên đều có pháp ứng, tức nêu trong chúng sinh đều là người ấy. Chỉ có ngữ kiến cần ở bậc địa, đều nói bày ngữ thông ở ba vạn hai ngàn. Tức là tự tánh đến. Người xưa cho rằng chấp nhất định tướng đến mà thành tự tánh, còn không quyết ý chấp nhất định mà giả đến lại thành tha tánh. Không ngoài bốn chấp và ngoài cái nào khác. “Nay nói...” là nay Sư chánh giải thích, cùng nêu. “sao...” là cùng giải thích, chọn không phải. “Nếu viên...” là nói phải, chọn có đức không duyên. Biết bốn bất khả thuyết, là thấu suốt ba đế dung nhau, tức biết bốn lý đều bất khả thuyết. Nay hợp chương Như Lai mạng. Mạng là mời, là bắt đầu. Bắt đầu nói tịnh độ mà lấy Phật quốc mời chương. Nhưng các Viên giáo... không khen, ngài Kinh Khê nói: Trong đây giải thích viên trước không nên chê bai bác bỏ. Đã nói tâm trước giữa sau. Cho nên biết văn trước lý hợp chung lấy thứ sáu, thứ bảy. Chỉ vì không duyên mà không kham thăm bệnh. Cho nên ở vị cao rất nhờ có duyên. Do đó chỉ có một mình ngài Văn-thù mà thôi. “Nay văn...” là nói đức và duyên đều đủ. Ngài Kinh Khê nói: Đều là bốn bất khả thuyết, tức người có duyên lý cũng không nói. Lý không tự bày nhưng do nói mà thành. Ngài Văn-thù ứng cơ không nói mà nói. Giải thích tướng không thấy mà thấy, có hai: a, lược giải thích. b, “nói chẳng...” là rộng giải thích, chọn tướng thấy mà thấy. “nếu nhập...” là hiển bày tướng không thấy mà thấy, chung nêu cái thấy viên. Ba nhóm chúng sinh, Đại luận quyển năm mươi có nói: Chúng sinh có ba nhóm:

1. Chánh định thì vào Niết-bàn.
2. Tà định thì vào ác đạo.
3. Bất định.

Nay đều thấy, là ngoại cảnh tức tâm vì gồm cả không và trung. Nên Bất Nhị Môn nói: Vì không trung diệu nên thể tâm sắc dứt mất. Không thấy chúng sinh bảy phương liền khác, không thấy quốc độ phẩm tịnh ược khác nhau. Mà viên thấy pháp giới, tức không. Trung tức giả mà y chánh đế cũng trọn ngày sáng tỏ. “Nay văn ...” là riêng nói về Văn-thù. Ngài Kinh Khê nói: Cùng ngài Tịnh Danh ngang nhau, nay đại hội này há không có người sánh ngang, cho nên cũng cần lấy có duyên mà chọn. Chuẩn khen đức trước đều khen Đẳng giác. Tiếp theo là đối

giải thích chỉ là người có duyên quá ít. Cho nên cần từng lúc thêm kể có duyên. Liệu giản, có hai: a, ước đến gặp. b, hỏi: Về hai thứ nhãn và trí. Đáp phân đối dẫn. Ngài Kinh Khê nói: Ý đáp trước phân biệt phải. Kế dẫn hai văn Pháp Hoa, là ý nói tri kiến hẳn không lìa nhau, không đồng biệt tướng tri kiến của ba giáo. “Lại ...” là căn cứ vị chánh giải thích. Ngài Kinh Khê nói: lại nữa Viên giáo..., cũng là chung ra từ vị tri kiến biểu thị từ nhân đến quả, đều là không đến mà đến. Song đối với Văn-thù không có nghĩa thú quả, chính là nghĩa không đến mà đến. Vì không giống chúng sinh đến, nên nói tướng không đến mà đến. Thấy cũng thế...

Văn-thù kể thành về nói, có hai: a, nêu ý phân khoa. b, tùy văn giải nghĩa, Văn-thù hiểu rõ ẩn khả kể thành, nêu bày. Nói ba câu. Đời truyền bản kinh thiếu câu ba. Dựa vào nghĩa chuẩn của Đại sư giải thích hợp có chỉ biết mà thôi, không cần thêm kinh. “Câu đầu ...” là chánh giải thích, có ba: a, giải thích đến rồi lại không đến, chọn không phải, ngài Kinh Khê nói: Năm thứ..., cho nên biết khéo đến lấy hai thứ sau, vì chọn có duyên nên không lấy. “Từ đây...” không cần thuật lại, chuẩn theo lệ có thể biết. “Nay vì viên...” là nói phải, chung lấy viên nhân. Phát chẩn, chẩn là ổ xe. Văn tuyền nói: Khởi hành xe, trong thanh lạc có sông lớn cát vàng. Đại kinh bảo rằng: Phật nói tất cả sông suối đều có khúc quanh. Ngài Văn-thù thưa hỏi, Phật bảo: Ở tam thiên thế giới này có bốn sông tên là Ni-câu-gia. Bốn đó có con sông thẳng không quanh co tên Ta-bà, cũng như sợi dây thẳng chảy thẳng vào biển Tây. Nay lấy sông suối có quanh co dụ cho giáo trước, kim sa chảy thẳng vào dụ cho quán pháp viên đốn, tức chướng là đức chảy thẳng vào biển. “Lại nữa...” nói riêng về quả viên. Giải thích đi rồi lại không đi, Không phải là khéo đi. Do ba giáo trước quả lý đều chưa rốt ráo nên không phải khéo đi. Đi rồi cũng phải lại đi, nghĩa là đi đến chấp tướng liền bỏ thiên chân. Cho đến bỏ đản trung lại bỏ viên trung. “Đây ...” là đối trước mà chọn, dẫn văn chọn luận. Ngài Kinh Khê nói: Nếu lấy quả trông nhân thì cũng như văn trước lấy sự biểu thị cho lý. Cho nên Đại phẩm... cần nói hai ý ba cõi. Lại Đại luận... tức trước vì Phật y lý không đến không đi. Vì chúng sinh mà không đi không đến. Ngài Văn-thù đáp cũng nương vào lý này. “Như tịnh...” là nêu nghĩa nay. Tịnh Danh là chủ nên gọi Văn-thù là đến. Văn-thù là khách nên chỉ thất trống bảo là đi. Đến đi gọi khác, nhưng đều ở thất trống. Giải thích thấy rồi lại không thấy, có hai: a, giải thích chung, qua đây chỗ biểu hiện, là cực quả viên dung đã rốt ráo. Tuy thấy, là có cạn sâu, Văn-thù luận về sự

biểu hiện của viên cực là một. “Lại nữa...” là giải thích riêng. Giải thích kể thành.

Chánh tuyên chỉ “nói ý Phật”, nêu ý giải thích, ngài Kinh Khê nói: Nghi gặp nhau của chủ khách, nếu hai Đại sĩ đều là pháp thân, sao có khách chủ mà toan lập nghi thức. Như ước vào việc hóa độ, nay ngài Tịnh Danh có bốn tuy Diệu hỷ, Diệu thiện cũng là tích ở trong đó. Nhưng ước tích này thì trước hết là ở Tỳ-da. Cho nên khiến ngài Văn-thù vẫn là diệu dụng. Hướng lại thăm bệnh đích thân đến nơi ở, cho nên có nghi thức chủ khách nào có ngại gì?

“Văn cú...” là phân khoa đoán bày. “Tuyên chỉ...” là tùy văn giải nghĩa, tuyên nói ý chỉ Phật, phân khoa. và tùy giải thích, chánh tuyên ý chỉ Phật, thăm bệnh có để chịu chằng cho nên có thăm hỏi an ủi “lao là an ủi”. Lại như Đại phẩm nói ít bệnh ít não... là hứng thú ở lợi nhỏ thì khí lực sao an? Trí luận quyển mười nói: Các Phật pháp đều như thế, biết nên hỏi. Lại nữa, tùy pháp thế giới người đời mà thăm hỏi. Phật thị hiện sinh trong loài người chịu sinh tử nóng lạnh cùng người... nên phép thăm hỏi cũng phải ứng hợp.... Lại nữa trong thế gian kẻ cực sang với hàng cực hèn không hề thăm hỏi nhau, nhờ Phật lực cho nên phải thăm hỏi nhau. Lại nữa cõi Phật tịnh ược tuy khác, trí tuệ thần lực đều bằng nhau không khác, cho nên thăm hỏi nhau.

Tiếp giải thích riêng, cõi Đồng cư. Nay cũng căn cứ bốn cõi, ngài Kinh Khê nói: phạm không thể nhẫn là ác bậc nhất. Bên trong đã ác tất hiện tướng bên ngoài. Cho nên có thể nhẫn là lý có tổn, tức là người dễ trị. Tám khổ năm tướng suy. Tám khổ như trước đã ghi. Hiển tông luận nói có năm suy lớn nhỏ. Năm tướng suy lớn:

1. Áo dính bụi.
2. Hoa dất trên đầu héo úa.
3. Hai nách ra mồ hôi.
4. Mùi hôi dính thân.
5. Không còn ham thích chỗ ngồi.

Năm tướng này hiện ra quyết định là sẽ chết. Nếu gặp duyên mạnh cũng không thể đổi được. Năm tướng suy nhỏ là:

1. Không còn ưa thích y phục đồ trang nghiêm.
2. Ánh sáng tự thân chói lợi không còn.
3. Ở nơi tắm rửa giọt nước dính thân.
4. Bản tánh tối lui ung dung nay trệ vào một cảnh.
5. Mất vốn ngưng yên nay nhiều máy động.

Năm tướng này hiện ra không nhất định là phải chết, gặp duyên

thắng thiện có thể chuyển đổi. Cho nên quả bệnh là một, mà nhân bệnh có chín thứ, ngài Kinh Khê nói: Nói quả một, là sáu đạo tùy một, ba thiện tùy một, ba ác đồ tùy một. Vì trong ba đồ cũng có thể do tập đời trước hay sinh nhân ba thừa và sáu đạo. Cho nên nói chín nhân. Trong chín nhân thì ba thừa có thể nhân, còn sáu thứ sáu không thể. Tiếp là cõi Hữu dư, cõi Thật báo, ngài Kinh Khê nói: Chỉ không như cõi Hữu dư... là lấy các địa đối đãi nhau không thể nhân thì cũng đối đãi bất khả nhân, có gì không thể được. Chỉ không như ngang một thời trông nhau có thể đối. Nghĩa không thể thì dễ thấy. Đây đều là trong cõi quả báo mà lập nghĩa.

Cõi Tịch quang, ngài Kinh Khê nói: Không có bệnh quyền thật... là hỏi đã không có bệnh thật vì sao không có bệnh quyền. Đáp: Nay ước tự hành đương độ thì không cần nên nói là không. Nếu trông vào ba cõi phải nói là không thật mà được có quyền. “Phật chỉ...” là kết khen. Phật chỉ một câu... Ngài Kinh Khê nói: “bèn thành việc Như Lai một âm khắp ứng. Cho nên một nhà giải thích tận cùng tâm Phật bao gồm tất cả. Cai là bao gồm. Gia ngữ nói Khổng tử là bậc Đại Thánh không bao gồm. Vương Túc chú rằng cai là bao gồm.

Liệu giản, ngài Kinh Khê nói: “Đáp... thật bệnh” là cố khuyên người học hãy thuận ý Đại sư, thấy các kinh luận không cần chống trái. Thấu suốt giáo hai nghĩa lại không trái. Cho nên lấy Tịch quang cùng ba cõi kia các thể tương tức nhau. Lại thuận văn ba phẩm Tịch quang. Hỏi trị liệu có tổn, có hai: a, giải thích chung. Ngài Kinh Khê nói: Chỉ vì chúng sinh có bệnh nên có ba cõi không đồng. Đến đây không nói hữu vi... có ba, chỉ nói thấy kiến tứ... ba thứ là sao? Ý nói tướng của bệnh hiển bày ba nghĩa. Cho nên hữu vi... chỉ tạm dùng mà không phải rốt. Vì phá trệ có đấm trước nên hữu vi gọi là vô vi. Phá đấm trước cũng thế. Lại vô vi đi với trần sa và vô minh nên thể nó hỗn tạp quá mức, nên không phải là nghĩa tột. Lại lập kiến... là muốn đối văn ba quán bốn giáo dùng văn điều phục ủy dụ cho tiện. Giải thích riêng, dựa thẳng bốn cõi, ngài Kinh Khê nói: “Từ không đến phụ cấp vô tri ở đồng cư, nghĩa là dùng nội giới trần sa không chướng sinh ngoại giới, cho nên tuy sinh cõi ấy mà cần phải đoạn các sinh ngoại giới. Ngoại giới là chánh. Dầu chưa ra khỏi giới hoặc trọn không phải là chánh ở ngoại mà phá nội, nội thì dễ hư. Chánh quán trung đạo chính là trị hữu dư..., trong cõi Hữu dư vô minh còn nguyên ở đó. Ở cõi Quả báo còn sót vô minh. Tuy lại Quả báo, Hữu dư còn nguyên đều được trị liệu ở đó. Nói lợi căn đến bàng trị, là lợi căn Thông giáo còn đầy đủ hoặc nội giới, chỉ tu Trung

quán mà tế hoặc chưa phá. Thô hoặc tuy trước đã trừ nhưng cũng phải chánh ý, nên phải lập bàn. Lại vì không phải chánh chướng nên cũng gọi là bàn. Nay nói trở đi trải bày căn giá, căn cứ cõi Đồng cư, có hai: a', chánh nêu: Bốn câu chỉ tụng một kệ. Phật đích thân trao kệ, khiến Bàn-đặc tụng kệ rằng:

Giữ miệng, nhiếp ý, thân chớ phạm

Như thế hành giả được xuất thế.

Bàn-đặc cảm ân Phật sâu xa, tụng luôn miệng. Phật bảo: Nay ông tuổi đã già chỉ tụng một bài kệ người đều biết không có gì kỳ lạ, cần phải hiểu nghĩa, đó là nói thân ba khẩu bốn ý ba quán sát kỹ việc chúng khởi lên và diệt mất, do đó mà được sinh lên trời, do đó mà rơi vực sâu, do đó mà được đạo Bồ-đề tự nhiên. Nhân đó mà tâm ý Bàn-đặc khai giải được quả La-hán. Đại luận nói: Chín mươi ngày tụng kệ. Kinh Pháp Cú nói: Ba năm mới tụng một kệ. Nay dựa vào Đại luận nên nói một hạ. Ương-quật..., kinh ấy nói Ương-quật-ma-la với tên là Nhất Thiết Thế Gian Hiện, theo học với thầy Bà-la-môn Ma-ni-bạt-đà về bốn kinh Phệ-đà (Vi-đà). Thầy được vua mời bèn bảo ông ở lại giữ nhà. Vợ thầy thấy ông hình dung đẹp đẽ nên sinh nhiễm tâm bèn đến kéo áo ông. Ương-quật không nghe theo. Khi thầy về thì vợ thầy nói lời dèm siểm rằng: “Người mới sinh ra có tướng đẹp đẽ đến thế tất không phạm lỗi này”. Thầy nghe nói thế liền bảo: Người nên giết một ngàn người lấy đốt tay làm vành hoa ở mũ, tất được khỏi tội mà thành Bà-la-môn. Thế Gian Hiện (Ương Quật) nghe lời thầy mà đi giết người. Sau gặp Phật bèn nói: Thầy ta bảo nếu giết được Sa-môn sẽ được sinh lên trời, bèn rượt đuổi theo Phật, nhưng chạy theo không kịp. Nhân xin Phật nói kệ. Phật liền hóa độ và được thành A-la-hán. Nghe A Thuyết Thi... A Thuyết Thi tức Át-bệ, là tiếng Phạm thời Sở Hạ. Đại luận nói: Ngài Thân Tử nhân thấy Át-bệ oai nghi đỉnh đạc bèn hỏi: Thầy ông là ai? Đáp rằng: Thái tử Tất-đạt bỏ sinh, già, bệnh, chết mà được Tam-bồ-đề, đó là thầy tôi. Lại hỏi: Thầy ông nói pháp gì? Đáp: Các pháp từ duyên sinh “Khổ đế), là pháp nói nhân duyên “Tập đế), là pháp duyên và hết “Diệt đế), thầy tôi nói như thế. Ngài Thân Tử nghe xong liền được sơ quả. Rồi trở về nhà. Ngài Mục-liên gặp liền hỏi: Ngài được cam lồ xin cho cùng thưởng thức. Ngài Thân Tử nhắc lại lời đã nghe, Mục-liên cũng được sơ quả, hai người cùng đến gặp Phật và cùng thành La-hán.

“Tịnh Danh...” là kết chỉ Tịnh Danh.

Căn cứ ba cõi, ngài Kinh Khê nói: Nếu đến... là nói vô minh dứt khoát không mất hoàn toàn như thế nhưng lại nói hình tướng ba thừa lớn

nhỏ sai khác, cũng có thể lập nghĩa, nhưng cõi ấy không mê chấp giáo thí nên không có lý không hao tổn. Nếu ước sơ tâm nghiệp đời trước, là nếu đã sinh vào cõi ấy thì không còn phạm trọng tội. Giá chương tức nghiệp ước cõi này là người tu viên quán chưa phá vô minh. Hoặc lại sẽ phá mà nói có nghĩa ngăn cấm đồng cõi ấy. Nên mượn lời mà nói. Nhưng có tổn tổn và tăng tổn. Hỏi không đến tăng ư?, có hai: a, nêu việc. b, “Tịnh Danh ...” là biểu thị pháp, trải các cõi nêu nghĩa. Thiện quả Điều-đạt. Đại kinh phẩm Ca-diếp nói: Thiện Tinh tuy đọc tụng mười hai bộ kinh mà được bốn thiên, nhưng vì gần gũi bạn xấu nên lui mất bốn thiên, sinh ác tà kiến, nói không có Phật pháp, không có Niết-bàn. Thiện tinh nay ở gần sông Ni-liên-thiên. Đức Phật và Ca-diếp cùng đến nơi ấy. Thiện Tinh trông thấy Phật từ xa đến liền sinh tâm quấy ác, ngay thân đang sống bị rơi vào địa ngục. Việc Điều-đạt đọa địa ngục như trước đã nói. Thi-lợi-cúc-đa Trang Nghiêm luận nói: Trưởng giả Thi-lợi-cúc-đa nghe lời phó chúc của ngoại đạo bảo giết Phật, đã cho chất độc vào cơm mời Phật dùng. Phật biết liền bảo A-nan đọc Tăng-bạt rồi mới ăn, đọc xong thì chất độc tan. Người thoái pháp, tức là thoái pháp La-hán gặp duyên lui sụt còn sơ quả. Nhưng ba thừa đến cũng được có ba, ngài Kinh Khê nói: Năm người vị sai khác là do học giáo không đồng, cho nên nói có lợi độn. Đã được vị bất thoái, là nếu ước ba cõi nói ba bất thoái tức trong cõi ấy còn có hai thoái. Hoặc phá trần sa được hạnh bất thoái, hoặc phá vô minh được niêm bất thoái. Tức nhập quả báo, quả báo một mực là niêm bất thoái, hướng là hai thứ kia. Dựa cõi đã thế thì theo vị khá biết. Đều là tổn tổn. Nếu lời nói này phương tiện thì cũng chỉ có tổn tổn. Văn đã mượn ở hai nghĩa thoái mà gọi tổn tăng. Kỳ thật không phải là thêm bệnh. Hoặc ước vào nghĩa xuất nhập quán mà lập ba câu, Tiêm sư bảo: Nhập quán là tăng tổn, xuất quán là tổn tăng. Nhập lại không xuất thẳng đến niêm bất thoái gọi là tổn tổn. Tịnh Danh...” là chỉ người kết quy. Nêu chung ý Phật. Hoặc có nhiều câu ở sơ dưới ước hai nghĩa để giải thích vô lượng. Ngài Kinh Khê nói: Một là đương thời lời Phật nói nhiều mà người dịch lược bỏ bớt. Hoặc là...” là nói chung về tướng chẳng hết. Như người đời nói vô lượng mãi không thôi. Cho nên biết Văn-thù đặc biệt tuyên nói ý chỉ Phật không dư một từ nên tuân lệnh là đúng lẽ. Trong phần sơ nói độ không hết, chỉ lấy giải thích trong nghĩa đầu, là lược bỏ. Nói về tình, có hai: a, nêu ý phân khoa đáp nêu phẩm Bất Tư Nghì. Dụng bất tư nghì là quyền tích, cho nên đáp xuất quán chúng sinh... bốn phẩm là phẩm Quán Chúng Sinh nói không quán, phẩm Phật Đạo nói giả quán, hai phẩm Bất Nhị

Môn và Hương Tích nói trung quán. Song ba quán ba hoặc bị phá tức là thật bệnh. “Hỏi...” là tùy văn giải nghĩa, hỏi quyền bệnh trong quả, nêu nghĩa phân khoa, hỏi ...” là tùy văn chánh giải thích, hỏi bệnh quả nhân khởi. Trước Văn-thù hỏi nhân đâu bệnh khởi, hỏi lâu hay mới, hỏi cách diệt bệnh. Tịnh Danh đáp, phân khoa nêu ý. Nay trước ...” là tùy văn giải nghĩa, đáp trước câu hỏi thứ hai, thứ ba, chánh nhắc lại đáp hai câu hỏi, đáp câu hỏi bệnh sinh, chánh giải thích, cõi Đồng cư, ngài Kinh Khê nói: Ngài Tịnh Danh vì chúng sinh ... ý chánh là ở đây, nếu điều không phải gần thì cần luận bi thể. Thể tức thật lý, lý thì cùng đồng với tất cả chúng. Riêng luận phát tâm, là từ khi mới phát bốn hồng thệ đến nay thì có bệnh, mà chúng sinh cũng vốn có từ vô thủy. Chỉ kể rằng Bồ-tát có bệnh trước khi chưa phát tâm và chưa được Vô sinh nhẫn có thể được thể. Hướng phát tâm rồi đại nguyện mới mở, đến đầu chân vị thì bệnh mới phần hiện, chưa xét ngài Tịnh Danh chứng đến nay đã bao lâu thì việc hiện bệnh chưa biết lâu hay mới. Ước việc độ vật hễ gặp duyên ứng hợp thì bệnh liền hiện. Cho nên có liên quan với sơ tâm. Kết duyên nhiều ít sinh thực thiên viên, tịnh độ quyết thành quyền bệnh mới hiện. Từ đó về sau sinh sinh thành thực, sinh sinh nguyện hạnh, từng sát-na, ba nghiệp bốn nghi, chưa từng sát-na thiếu sót hạnh nguyện. Cho nên biết bi bệnh sau này tùy khởi. Dựa vào lời nói này thì ngài Tịnh Danh có bệnh gần đây, chúng sinh có bệnh đã lâu. Nay dựa vào lý mà nói thì đâu có mới lâu. Nghĩa mới lâu các tiết luận rõ.

Phương tiện hỏi đồng cư si ái dứt... ngài Kinh Khê nói: Theo lý Hữu dư, Quả báo thì bệnh chỉ là chưa đoạn, không gọi là sinh. Nay nói sinh là mượn thô phá tế pháp mới hiện. Nghĩa đáng ở sinh như chưa sinh trong bốn chánh cần, là nhân ái sinh tử, ái tức hoặc riêng. Ái tâm còn, thì gọi là sinh, ái tâm diệt thì gọi là tử. Hạ địa thì ái diệt, thượng địa ái sinh, luôn luôn thay đổi gọi là sinh tử. Cũng không lui tế mà nhận thô, tức không lui sụt thượng địa có tế biến dịch mà nhận hạ địa có thô biến dịch. Song phương tiện nhận diệt tức nhập quả báo. Nay vì làm sáng tỏ nghĩa sinh tử cõi phương tiện nên cần can thiệp mà nói. Lại căn cứ cõi phương tiện có vô minh đã phục, chưa phục khác nhau. Viên quán có sơ, trung, hậu tâm khác nhau, thì cùng được luận về hạ địa, thượng địa để nói sinh tử. Đã chưa phá vô minh thì đều ở Phương tiện. Nếu thế thì cũng không đến cõi Quả báo. Từ nội dung giải nghĩa nói hai thuyết không lỗi.

Thật báo nhiễm y chánh, là ái trước y chánh cõi Thật báo. Tuy tâm tâm vắng lặng tự nhiên lưu nhập, đối với hạ địa diệu giác đều có

ái nhiễm. Cõi Tịnh quang. Liệtu giản, hỏi, ngài Kinh Khê nói: “ý câu hỏi này là lấy lý để hỏi sự, sự có lâu mới, lý không lâu mới. Đáp: Ngài Kinh Khê nói: “Trong ý đáp muốn phân sự lý, trước là lý, sau là sự. Nói về lý. Chỉ si ái này tức là nói thoát, si ái nói thoát đều là vốn có. Nay cùng ngài Tịnh Danh vốn lý bi đồng. Nói về sự, là chúng sinh còn mê, Tịnh Danh ngộ đã lâu. Tịnh Danh từ lâu lấy tánh động đại bi, chúng sinh cơ phát đối bi của ngài Tịnh Danh mà cơ cảm tương ứng, bèn thành tướng bệnh. Thế nên ngài Tịnh Danh quyền bệnh thì mới, tất cả chúng sinh thật bệnh thì lâu. Sau khi phát tâm tuy có đại bi nhưng vẫn chưa kham đồng bệnh với chúng sinh. Do đó năng độ sở độ đều không phải mới lâu mà luận lâu mới. Nếu biết ý này thì có thể lập nguyện, có thể tu hành, có thể phó cơ, có thể thí giáo. Dựa vào lý đều không. “Mà luận...” là dựa theo sự thì có. “Nếu y...” là đối nhau mà kết bày. Ngài Kinh Khê nói: Nếu dựa vào lý... lý vốn có nên tức vô minh. Thế nên nói lâu. Tức vô minh này lại gọi là sự, nên sự cũng lâu. Đáp câu hỏi ba về bệnh diệt, chánh giải thích bệnh diệt, giải thích chung. “hà giả...” giải thích riêng. “Nếu các...” là phá xưa giải nghi. Luận chung về thật bệnh bất tận... vì chúng sinh Không thể hết. “Nay lại...” là căn cứ cơ thực được hóa độ để luận về nghĩa diệt. Giải thích, đáp quyền bệnh lâu mới. Giải thích đáp lý do quyền bệnh được diệt. Thí dụ làm sáng tỏ, phân khoa. Và tùy giải thích, mở ví dụ, khai có bệnh sinh đại bi trụ ở địa con một (nhất tử), dùng bốn đẳng tâm đến quả trụ nhị địa, nên Từ, Bi, Hỷ thành trụ ở địa con một. Thương nhớ chúng sinh như con một, cho nên Xả tâm thành, thì trụ địa không bình đẳng. Năng sở đều không chẳng cầu báo ân. Cho nên hai địa này các vị đều ngang đủ. Nay căn cứ hiện thiên bệnh Từ bi, nói năng lược ý đều khắp bốn đẳng đầy đủ đều mở. Có lý tánh... là mười giới tuy khác tánh một không khác, nên nói là con một. Khai bệnh lành, con là thật bệnh, cha mẹ là quyền bệnh. Hợp dụ như văn. Đáp theo câu hỏi một. Văn kinh hai câu: Nêu văn hỏi khác. “Bồ-tát...” là chánh đáp. Số đối văn trước nêu bày. “tức bất...” là hiển bày vô duyên chánh giải thích, dựa theo nghĩa chánh luận, Dựa theo vô duyên chánh bày. Đây vô tâm đối với vật..., là thật không duyên niệm với chúng sinh ở ba cõi, mà đối với chúng sinh tự nhiên hiện làm lợi ích. “Đại kinh nói...”, tức Như Lai vào thành Vương xá khát thực. Lúc đó Điều-đạt bảo vua A-xà-thế thả voi sang tên Hộ tài để giết Phật. Như Lai liền nhập từ định duỗi tay thị hiện, tức thì ở năm đầu ngón tay hiện ra năm con sư tử. “Nay ngài Tịnh Danh...” là giống như trước. Chỉ có phần chân cực quả cạn sâu có chút ít sai khác mà thôi. “Chúng sinh...”

là chọn sinh pháp. Nhắc lại duyên chúng sinh... là ba nghĩa từ rõ ràng như trước đã ghi. “Cố đại ...” là dẫn kinh dẫn chứng giải thích, dẫn kinh lược nêu. Hỏi ...” là ước dụ dẫn giải thích, Dẫn chứng hỏi: Ngài Kinh Khê nói: “Đá khác với hút... là một mực quán hai câu không sai khác. Xét kỹ ý văn đều có khác chút ít. Trước hỏi đá khác với hút, là ý hỏi thể của pháp Không liên quan đến dụng sao. Kế hỏi hút khác với đá là ý hỏi dụng của pháp Không liên quan đến thể sao. Thể tức là pháp thân, dụng tức là bi bệnh. Đáp giải thích, dựa vào dụ chọn bày. Ngài Kinh Khê nói: Trong ý đáp không có khác nhau, mới gọi là thể dụng. “Vô duyên ...” là dựa vào pháp chánh nói, nói thể dụng dung nhau pháp thân là thể, từ bi là dụng. Như gương... lại lấy dụ để làm sáng. “Chúng sinh ...” là căn cứ cơ ứng kết bày, nói thể tánh nhất như. “đĩ tam ...” là tùy cơ khởi ứng. Chúng sinh vì mê tánh mà khởi hoặc, Bồ-tát bèn ứng hiện đến. 2. Hỏi thất này vì sao trống, gồm phân khoa và tùy giải thích, “Nay muốn ...” là nay biểu thị chân thật, chánh biểu thị Tịch quang. “Không hà ...” gồm không ba cõi. Liệu giản, hỏi: Ngài Kinh Khê nói: Hỏi riêng có... là như trước đã giải thích. Đã biết không riêng khác cũng còn e không hiểu, nên cần hỏi lại. Đáp, chánh đáp hiển đồng. Ngài Kinh Khê nói: Như trong ý đáp ba cõi tức là đó, sao cần tìm riêng. Nếu thế thì ba thứ còn khắp có. Ba cõi ngoài hư không sao được không có. Nếu thế cái có của hư không thì đồng hay khác với thái hư? Đáp: Nếu đồng Thái Hư thì sao lại biến khắp ba cõi. Nếu khác thái hư đâu được thông ba. Trong ngoài linh tri khắp mà không khắp. Bốn câu kiểm xét, Thông giáo hiển chân. Hỏi: Ngoài ba cõi sao khác thái hư? Đáp: Khắp thì đồng nhưng lý lại khác. Hỏi: Dựa theo lý nói khắp vậy nó thường khắp hay là không có. Đáp: Thể của pháp thường khắp mà thường ở tánh không. Chỉ có thể suy ra mà không thể nghĩ, chỉ có thể nghĩ mà không thể suy, không thể quán thấy, chỉ có thể hội hoặc không thể hội, nhưng có thể quán thấy. “Như Loa ...” là dẫn chứng giải thích thành, dẫn chứng bày nghĩa. Ngài Kinh Khê nói: “Như Loa Kế... là nêu cạn để sánh với sâu. Cạn còn tương tại, huống là sâu ư? Cho nên nói đẳng (...). Vả lại mượn việc tương tại “cùng ở” để biểu thị tương tức. Cho nên đem tương tức mà đáp câu hỏi trước về ý hữu vô. “Nói đều...” là giải thích thành đều không, giải thích y chánh đều không. Phong cương là Trung Hoa cổ, nay chú rằng Phong cương là vạch rõ ranh giới cõi nước Phong thổ làm đài, để biểu thị biết là ranh giới. Vạch ranh giới là ở khoảng giữa hai vùng đất đóng những buộc móc để phân chia bờ cõi. Ngài Kinh Khê nói: Nói đều là không, ý nói, khắp không để chỉ rõ không có ranh giới bờ cõi.

Cũng chỉ rõ ngoài bờ cõi thì lý chẳng Không. Vì chẳng Không nên cũng gọi chẳng phải có thiện khí tức lý mới có thể thấy. “Tùng ...” là đối xưa kết bày. Hỏi thế nào là không? Hỏi, ngài Kinh Khê nói: “Phân đoạn ...” là ước ba cõi kia, đối pháp tánh mà hỏi. “Lại tiếng ...” là dựa đại chê tiểu mà hỏi. Nói không Tam-muội, là Tiểu thừa chỉ nói dẫn không. Nếu diễn môn thì nói trong mười tám không tức có không không. Dưới bảy câu hỏi đáp đều nói hai thứ. Đáp, dẫn kinh nói chung, ngài Kinh Khê nói: Nếu ước cảnh trí mà nói..., nói nhắc lại không, là cùng đối cảnh trí. Cảnh không đối với trí, trí không đối với cảnh. “Nay nói ...” là nương giáo nêu riêng, chê thất. Ngài Kinh Khê nói: “tuy mở cảnh trí nhưng tương riêng khó phân:

Từ chứng mà không thể phân.

Ở nhân cạn sâu mà khó suy lường, cho nên cần dựa vào giáo để phân biệt.

“Nếu tạng...” là hiển bày đặc để biết giáo không có hai thất trên.

Hỏi không sao dùng không, ngài Kinh Khê nói: Sở dĩ cùng tiến hỏi... trong hỏi cùng bày thế của hai câu hỏi. Trước là dựa chung lý tánh đối trí để biện biệt. “Huống lại nói ...” là riêng dựa chân đế, vì không này gọi là gần chân đế. Cho nên một mực từ gần nhau mà hỏi. Hỏi: Không sao dùng không để làm đủ hai ý này? Đáp: Nói thấu suốt bốn tánh cần không cả trí chướng, như trước đã ghi. b, quên chân đế cần đối không với hai ý trong câu hỏi trước, xét tìm kỹ mà nói.

Hỏi không có thể phân biệt, ngài Kinh Khê nói: Trước là chánh hỏi, kể từ “nhược dĩ ...” là dẫn đồng Tiểu thừa. “Nếu không ...”, phạm nói không là phải không phân biệt. Nay sao nói không mà chẳng Không?

Đáp, là nương nơi thật chánh giải thích, nói năng sở đều không. Ngài Kinh Khê nói: “Phân biệt còn không huống là chẳng phân biệt, đâu thể chẳng Không ư! Nếu chỗ quán phân biệt... là tuy căn cứ cảnh trí đối nhau để luận tướng không phân biệt, mà cần phải cùng làm tự tha... tánh và phá tánh mà luận hai Không. “Nếu hay ...” là ước năng sở cùng hiển bày. Trước lấy năng mà hiển sở. Lấy sở quán ...” là lấy sở mà hiển năng. “ Các phương ...” là quyền thật đối nhau hiển sáng, ước giáo đối hiển, ngài Kinh Khê nói: Viên giáo... từ đó mà quán cảnh trí ba giáo, cảnh trí cũng còn hai. Thế nên chưa gọi phân biệt cũng không. Cho nên cần chỉ rõ cảnh trí của Viên giáo vậy. “Lại nữa ...” là căn cứ cõi đối hiển. Hỏi: Tìm không ở đâu? Ước dụ giải thích chung. Ngài Kinh Khê nói: Nay chúng sinh chưa ngộ đến cõi Thường tịch. Trong văn bản

lấy ngộ chưa ngộ mà nói. Lại do nhân quả so nhau thì dễ thấy. Nếu chưa nhập viên thì chưa gọi là ngộ. Cho nên vì chưa nhập viên không phải thiện hạnh. Vì vậy cũng phải nói rằng: Viên cùng ba giáo chỗ nói không đồng, cũng có thể nói tức và chẳng tức. Đồng cả phân biệt há ngoài các kiến. Các kiến là đó sao còn riêng tìm? “ Nay nói ...” là dựa vào kiến giải thích riêng, chính bày tướng kiến. “ Nay ước ...” là dựa vào giáo luận bày, trải các giáo mà nói. Kiến không môn, Côn-lặc môn... Vào Thành luận thì rơi vào không, vào Côn-lặc thì rơi vào hai thứ cũng trung, cùng lấy song phi “cùng không phải). Như Đại kinh thí dụ về sữa... là Đại kinh nói: Phật dạy: Như có thuyết nói trong sữa có lạc, đó gọi là chấp trước, nếu nói không có lạc, đó gọi là hư vọng, lia hai thứ này phải nhất định nói là cũng có cũng không. Cho đến nói không phải có tánh lạc, không phải không có tánh lạc. Thế nên nói tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh, đó gọi là đấm trước. Nếu nói không Phật tánh, đó gọi là hư vọng. Người trí nên nói: Nói chúng sinh thì Phật tánh cũng có cũng không. Ngài Kinh Khê nói: Phật tánh từ duyên sinh, bốn câu không thể được. Phật tánh cũng thế. Chấp thành bốn kiến thể nhập thì thấy lý. Từ đây trở về trước đều gọi là kiến, vì đối viên mất ý cũng gọi là tà kiến hướng là ba thứ trước. Vô ngã, chỉ là nhân pháp hai thứ vô ngã. Có kiến, thì đều là ngã, thể nhập thì toàn không tức là giáo phá kiến nhập không thì năng không chẳng đồng, cho nên phân giáo riêng. “Sở dĩ...” là kết ý nói về tìm, ngài Kinh Khê nói: Nếu từ phạm phu... tuy cùng một nẻo nhưng chỉ giống dọc. Nay lại dựa vào giáo tức thành luận ngang, phải nói là đầy đủ ngang dọc hai hạnh như đã giải thích trước.

Hỏi sáu mươi hai kiến phải tìm ở đâu? Ngài Kinh Khê nói: Không nhiễm mà nhiễm... là lý vốn “không” nhiễm, từ vô tử thường mê muội há nhiễm không nhiễm mà có thể quán. Cho nên khởi sáu mươi hai cho đến nguồn cội. Như thấu cội nguồn vô minh, là đó. Bạng, là lý đồng mà nghĩa khác, không riêng mà riêng. Đồng một chân độ mà chúng sinh nương nhờ, chỉ một pháp thân là các thân thể. Sở y không hai nhưng năng y tự khác. Sở dĩ không khác thì năng sao khác được. Do vọng tập từ vô tử cho là y chánh khác nhau.

Hỏi giải thoát của chư Phật phải tìm ở đâu?, giải thích trọng tâm ba thứ giải thoát viên dung, nói chung về giải thoát. Bát-nhã..., câu đầu nói tất cả chư Phật do quán tâm mình không khác tâm Phật, nên được thành Phật. Câu kế là giải thích tâm được quán trong câu trước. Tâm như tâm Phật, tâm Phật không cấu thì tâm mình cũng không. Câu kế

nữa là năm đạo do tâm. Tâm thể vốn tịnh, tuy khắp năm đạo mà không thọ nhận sắc ấy. Như người bệnh mắt, khắp không trung thấy hoa, hoa tuy khắp không mà không chẳng nhận gì cả. Bông sáng nước ướt cũng lại như thế. Câu kệ, là kết chung ý quán. Hiểu như thế là thành đạo viên dung.

“Hỏi...” là trưng cầu giải thích ba thứ. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Tìm chân tánh... là nêu tâm tu quán, quán tướng hoặc không có tự thể, tất cả các pháp chỉ một chân như. Nếu thế thì lại có hai thứ giải thoát khác chăng? Trong ý đáp nói chân tánh tuy một, một thể cũng ba, thể của hoặc đã ba mà không ba. Giải thoát cũng tức ba mà một.

“Nếu thấy...” là nói y chánh không hai, về tông Phật quốc, nói y chánh không hai. Sở dĩ đến chí cực mà gọi là có khác. Mong kẻ hậu đức đọc kỹ văn này, một tâm gồm khắp. Ở đây có thể hiểu vô tình thành Phật không còn nghi ngờ gì. Hoặc có người tin hữu tình thành Phật mà không tin vô tình thành Phật, cũng như tin Thiên đế là chúa trời Đạo-lợi mà không tin Kiều-thi-ca là chúa trời Tam thập tam. Huống văn đã nói rõ rằng thân độ lý đồng mà tên gọi có khác. Đại sư thân nói cần phải suy nghĩ thật kỹ.

“Cho nên tịnh...” là dựa vào sở biểu mà giải thích thành, nói y chánh cùng hiển bày. “cho nên...” là nói ý đáp hợp tông, đều từ đây mà ra, là ý nói tuy có ba quán và Thông Biệt nhưng căn bản đều từ thất trống mà sinh. Đáp: Không có thị giả, đoán bày phân khoa. Tùy văn giải nghĩa, chánh đáp, nói ứng cơ có thị giả. Ngài Kinh Khê nói: Nói thị giả không ngoài bốn giáo. Ngài Tịnh Danh chuyển dụng, là chuyển ma sự làm Phật sự. “Nếu đồng ...” là căn cứ ở cõi mà nói rộng. Giải thích nêu ba câu. Hỏi tướng bệnh ấy thế nào? Phân khoa. Tùy giải thích, hỏi thể tướng của bệnh, hỏi dụng của bệnh, là giải thích. Thân kim cương, tức pháp thân bất hoại, dùng kim cương để dụ, rút từ Đại kinh... Ngài Kinh Khê nói: “Phật dùng sư tử hống nói mười Lực là đó. “Nếu cùng...” là thoái hợp. “Nếu chẳng...” là kết. Đáp pháp là nêu thật bệnh của phạm phu. Huống Thánh nhân quyền bệnh. “tuy chẳng ...” là nói hiện tượng. Hợp dưới, hợp chẳng hợp bởi do phạm Thánh sắc tâm đều tức không cho nên bệnh không hợp cùng thân. Nói thân lìa nhau, cũng nói là thân tướng không. “Phạm phu...” là hợp hiện tượng. Hỏi pháp thành bệnh, ước bệnh đại đối nói tức ly, dựa theo nội ngoại mà luận. Nội cũng phải thế, nghĩa là y chánh tuy khác, bốn đại Không khác. Đại ngoài không bệnh thì trong sao lại có. Bốn đại trong, thì xương thịt là địa đại, máu mồ hôi là thủy đại, sức ấm nóng là hỏa đại, hơi thở là phong đại.

“Lại nữa...” là ước đại trong hai thời kỳ. “Cũng chẳng...” là không ly. “Tịnh Danh ...” là quyền bệnh. “Lại chẳng phải ...” là ước lý sự đối nói tức ly, y kinh chánh bày, y kinh khác mà hiển nghĩa. Dẫn thỉnh Quan Âm giải thích rõ như trước đã ghi. “Cho nên tịnh ...” là nêu văn nay nói quyền. “Nay khắp...” là dựa vào cội giải thích thành. Hỏi thật bệnh trong nhân, đoán luận lược phán, nêu ý nói chung. “văn có ...” là phân văn bày nghĩa, có hai: a”, phân văn đối hạnh, phân khoa chỉ kinh. “tín hành ...” là đối căn lập pháp, đối hiện căn hai thứ khác nhau, cùng có lợi độn, lại tín hành lợi căn, một khi nghe liền ngộ, pháp hành độn căn trải các pháp mà quán sát. Hoặc đều lợi đều độn. Người tín hành nghe tuệ thì lợi, tu tuệ thì độn. Người pháp hành tu tuệ thì lợi, mà nghe tuệ thì độn. Đối chũng tử đời trước hai thứ khác nhau. Thành lập trên dưới, ngài Kinh Khê nói: Ngài Văn-thù vì sao phải ủy dụ... là chuẩn vào năm phẩm dưới, đã từ đây mà sinh năm phẩm dưới, lại có thể thành trên. Cần lấy thông tướng ba quán mà giải thích. Nếu không như thế, là quốc vương, trưởng giả cũng ham thích thân Phật. Các đại đệ tử dùng ba giáo để chê, Bồ-tát cũng dùng ba giáo để trách. Tuy phần nhiều dùng nghĩa viên, nhưng vẫn quy về diễn, cho nên cần thông nhau riêng ở trong ấy. Thế nên văn chương chỉ nói từ biệt. Cho nên ý văn này dùng trên làm cơ sở. Đã không thông rồi há trung giả chẳng thông ư? Cho nên chuẩn hỏi đáp qua lại để luận chỗ biểu thị. Kế từ không trung sinh tất cả pháp. Là giữ còn Phương đẳng khắp đối các cội và ba hoặc nhân quả không đồng, cho nên cần luận riêng. Quán chúng sinh... cho đến riêng trách đệ tử Bồ-tát. Cho nên đến thời Pháp Hoa mới thuần một vị. Thành trên. Và thành dưới là nhập bất nhị làm gốc, phẩm Bất Nhị là cùng ngăn cấm, phẩm Hương Tích là song lưu. Mà không ...” là bốn giáo dùng xả, đối trước nói ý dụng xả khác nhau. Ngài Kinh Khê nói: Chưa vào thất nói bốn giáo... là chúng tặc chưa đoạn các hoặc kiến tư, cần thêm tam tạng mà đối trị. Vì tam tạng giáo trụ dục là hơn hết. Nếu thế thì tặc chúng đâu không đoạn hữu vi? Đáp: Nếu y vào tiểu đoạn rồi thì ở tiểu số, nếu y vào đại đoạn rồi thì ở đại số. Cho nên lại riêng dẫn đủ các hoặc làm tặc. “Cho nên biết ...” là nói kinh văn cùng một nhà ta nghĩa hợp. “Nay ước...” là tùy văn rộng giải thích, vì người tín hành hỏi ủy dụ giáo môn, Văn-thù hỏi. Ngài Tịnh Danh đáp, phân khoa đoán bày. Ngài Kinh Khê nói: “Tam tạng giúp Thông. Cho nên kinh nói: Nói thân vô thường, vô thường là tam tạng. Không nói chán lìa tức dùng Thông môn. Cho nên biết người Thông dùng tam tạng, là biết vô thường rồi đều tức không. Nếu giúp Biệt Viên đối chuyển gồm đủ, thì chuẩn theo trên có thể biết.

Nay lại nêu kinh chưa Thông Viên Biệt lại làm trợ Thông để nói.

“Nay trước ...” là tùy văn giải nghĩa, dùng Tạng giúp Thông mà ủy dụ, nêu ý phân khoa. “quả là ...” là tùy văn giải nghĩa, từ quả giả nhập không. Từ nhân giả nhập không. Không sám hối tội đời trước, Tiểu thừa từng chẳng sám hối tội đời trước ư? Đáp: Chỉ do không hay quán tâm tức không, nên gọi không sám hối. Lại chẳng thường quán tâm thật tướng, mười giới tội phước tánh không vô chủ. Cho nên chân Thiên nhân không từ đó mà khai phát, không thấy tịnh độ nguyên là do đây vậy. Nếu muốn phân biệt để hiểu thì phải nói rằng Tiểu thừa sám hối tội đời trước nội giới mà không sám hối tội đời trước ngoại giới. Tội đời trước ngoại giới là sao, đó là căn bản vô minh. Thấu suốt vô minh tức pháp tánh, thì gọi là vô sinh sám –nếu không oán đối, là nội ngoại oán đối đều do một niệm vô minh tạo nên. Phản quán vô sinh oán đối là từ đâu, đối oán làm thân mặc tình giáo hóa. Đốn cây tuyệt gốc ý dụ có thể biết. Bồ-tát lấy sát làm đầu, vì lấy đại từ làm gốc. Cho nên quán tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, ở vị lai nhất định thành Phật. Cho nên Thanh văn trở xuống Đại luận quyển năm mươi mốt nói: dâm dục tuy không quấy não chúng sinh, nhưng tâm bị trói chặt, nên thành tội lớn... vì thế trong giới luật dâm dục làm đầu. Kẻ bạch y giới bắt sát làm trước để cầu phước. Dẫn Tỳ-đàm Thành luận như trước đã ghi. Hỏi: văn này dùng thông để ủy dụ, vì sao lại lấy nghĩa Viên để giải thích sám hối tội trước? Đáp: Thông có lợi căn, tức hiểu pháp Viên giáo. Thông tướng ba quán ý ở đây vậy. Cho nên dẫn Bồ-tát lấy sát làm đầu, chính là chỉ Biệt Viên. Như Bồ-tát Tạng, Thông đồng giới với Thanh văn, như Đại luận đã nói. Biệt giáo ủy dụ, nêu ý phân khoa. “trước nói ...” là tùy văn giải nghĩa, khuyên khởi bi tâm. Khuyên phát nguyện nhiều ích. khuyên tu phước tuệ. “Như Đại luận ...” là lia bốn, năm tà nên gọi là chánh mạng. Bốn tà thì Đại luận quyển bốn nói: Người xuất gia hợp thuốc năm giống lúa trồng cây để nuôi mạng sống... bất tịnh gọi là hạ khẩu thực. Bói xem tinh tú nhật nguyệt gió mưa sấm sét... sinh hoạt bất tịnh gọi là ngưỡng khẩu thực. Nịnh nọt người giàu sang giao tiếp sứ giả bốn phương khéo nói cầu nhiều để nuôi mạng sống bất tịnh, gọi là phương khẩu thực. Dùng các thứ bùa chú bói toán tốt xấu thuật vụn vặt bất chính gọi là tứ duy khẩu thực. Năm tà:

1. Vì cầu lợi dưỡng giả nên hiện tướng lạ.
2. Vì lợi dưỡng nên tự nói công đức mình.
3. Xem bói tướng tốt xấu vì người nói pháp.
4. Lớn tiếng hiện oai nghi khiến người kính sợ.

5. Nói những điều có được do cúng dường để khích động lòng người.

Đây đều là các bậc cao danh vị trên cần thận trọng, chứ không phải kẻ quả đức thấp kém dè chừng. Nếu không được..., ngài Kinh Khê nói: Không phải chỉ lia bỏ bốn tà năm tà mà chính là nói trụ ở tuệ mạng bốn giáo.

Tiếp, khuyên sinh tâm mạnh mẽ. Ngài Kinh Khê nói, tức là người tâm Thủ lảng nghiêm nhập giả, tâm mạnh mẽ gọi là kiện tướng.

Khuyên tinh tấn không lui sụt.

Viên giáo ủy dụ, chánh giải thích hiện văn. “Đây...” là thông trước luận bày.

Kết thành.

Vì người pháp hành mà hỏi quán pháp điều phục, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, Văn-thù hỏi. Tịnh Danh đáp, đoán luận, nêu ý phân khoa. Điều phục nội giới Biệt Viên... phải nói là nội ngoại giới. Không nói ngoại vì văn thiếu.

Ba quán...” là đoán bày quán pháp, Chọn Tạng, Thông. “Nay chỉ...” là hiển bày Biệt Viên, Chánh nêu ba quán, nêu bày. Giải thích. Biệt tướng đầu tức là chỗ tu của người Biệt giáo: Thập trụ nhập không, thập hạnh nhập giả, Thập hưởng tu trung, Sơ địa chứng trung. Cho nên nói nếu nhập trung đạo...

Thông tướng tức Thông, người Biệt nhận Viên tiếp, là chỗ tu. Như thông biệt nhập trung của không vị, hiểu nhanh lý viên, ở tâm không này mà thấu suốt ba đế. Tuy biết cùng nhiếp nhau nhưng chỉ ở đương giáo mà nhập vị không. Cho nên khiến ba quán thông tướng đều không. Thông biệt xuất giả nhận tiếp, Biệt giáo tu trung nhận tiếp, chuẩn không có thể hiểu. Chỉ là ở giả trung, tâm hiểu viên dung. Từ bốn được gọi là giả là trung. Nếu luận viên dung thì cùng một tâm không khác. Chỉ dựa vào chỗ nhập liền có hai thứ khác nhau. Cho nên văn dưới thông tướng một tâm đích thị thuộc Viên giáo. “Tuy nhiên ...” là kết bày quán tướng. Trước nói tín giải hư thông nhận được tiếp viên. Kế nói đến quán từ bệnh là ở vị đương giáo. Hỏi: Như người tiếp thọ y vào viên ấy mà tu tiến phá kết hoặc thì là viên vị, há lại đến vị đương giáo ư? Đáp: Việc giải đó tuy viên, từ bốn nhập vị lại gọi là thứ lớp. Ba thứ một tâm tướng nó khá biết.

“Sơ biệt...” là kết phán thông tướng một tâm, đích thị ở Viên, ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Ai nói đoạn hoặc trọn thành trước sau? Đáp: Hành tướng không khác, trước sau từ giáo. Cho nên văn nói: E là ý trong

Phương đẳng, phải biết là do thuyết phương tiện này: Quán thông tướng này do đâu học giả chưa dám phán quyết nhất định. Có người cho rằng đồng với tiệm thứ của chỉ quán. Có người bảo là trong bộ Phương đẳng riêng có một cơ phải tu chứng này. Huống là số văn của Đại sư, ngài Kinh Khê, cựu ký đều không nói thông tướng là viên tiếp thông biệt. Nay vì sao lại lấy nghĩa tiếp mà giải thích? Đáp: Đại sư pháp quyết giải thích, ngài Kinh Khê tán thuật (khen kể) văn đó rất tinh tế ý chỉ rất rõ ràng. Nếu không căn cứ tiếp mà giải thích e trái với tông sư, xin được trình bày ra đây. Đại sư vừa nói tín tâm hư thông đến quán trừ hoặc đều có trước sau. Ở đây luận thông tướng nhất tâm đích thị thuộc viên. Trừ hoặc trước sau không phải là vị Thông Biệt ư? Đích thuộc Viên giáo chẳng phải bị tiếp ư? Ngài Kinh Khê lại nói hành tướng không khác mà theo giáo có trước sau, đã nói theo giáo há chẳng phải chỉ bày đương giáo nhận tiếp vị có không giả... ư? “Huống...” , ngài Kinh Khê nêu trung quán điều phục bày trung nói là viên tiếp. Lại nói ba Không chỉ phá kiến tư, ba giả chỉ phá trần sa, chỉ giải thông suông chưa thành thật ích. Nay Trung quán định không, giả, trung đâu không phải là nhận tiếp tiến phá vô minh ư? Nếu cho rằng đồng với tiệm thứ chỉ quán thì Đại sư và ngài Kinh Khê đâu từng nói thế. Huống ba chỉ quán đều là Pháp Hoa diệu hạnh. Đây nói thông tướng chỉ ở Phương đẳng. Nên số nói “e là ý trong Phương đẳng”, cho nên biết là không đồng. Nếu bảo riêng có một cơ thì lại càng không thể. Nếu thế thì bốn giáo bao gồm cơ chưa khắp, trong Phương đẳng phải có năm giáo, đây thật quá sai!

Hỏi: Ở bộ Phương đẳng có thông tướng quán, sao lại riêng lấy Đại sư ở đây mà nói? Như quang minh quán kinh đều thuộc Phương đẳng sao số ấy không nói? Đáp: Hoa Nghiêm, Bát-nhã đều phải có. Đâu chỉ các bộ Phương đẳng mới có nghĩa ấy. Kinh này có văn nói còn các kinh ấy không có, cho nên ở các số bỏ mà không nói. Sáu phẩm kinh này văn nghĩa đều đầy đủ, đâu được không luận. Mong các hậu hiền hãy suy nghĩ kỹ nghĩa này. Như văn lý ấy có hiểu thì đường thẳng cùng đi; mất ý trái dấu, xin hãy nương bậc thầy dẫn đường giỏi.

“Nay thất...” là thông kinh giải nghi, thông văn kinh dưới. Giải thích hai nghi. Ý hỏi: Đã đều là viên, vì sao lại có thông tướng nhất tâm hai thứ khác nhau? Đáp: Trong đó dựa Thông mà luận Viên là thông với người có thọ tiếp của thông biệt, nên nói ước thông luận viên. Vì người thọ tiếp không phải cùng Viên tu trước sau. Cho nên cần thông tướng để chọn nhất tâm. E là.... Vì thời bộ chưa dung nạp nên có thọ tiếp. Pháp hoa khai hiển chỉ một viên dung. Hỏi: Đại sư đích thân lấy

ba thứ ba quán mà giải thích kinh, vì sao lại nói e là? Đáp: ba quán của một nhà, xa nối ngài Long Thọ, gần học ngài Nam Nhạc. Nay dùng giải thích kinh, suy ra có căn cứ. Chưa dám đoán riêng, nên nói e là. Tùy giải thích, không quán để điều phục bệnh kiến tư, phân khoa đoán bày, cũng gọi là quán hai đế. Giả là nói nhập không, trước cần phải quán giả, biết giả là hư dối mà được gặp chân, cho nên nói quán hai đế.

“Văn đầu...” là đoán bày, nói nghĩa tích trái thông. “nay nói...” là bày nguyên do nghĩa thông, ước nghĩa nói rõ, nói Bồ-tát khác Tiểu. Nhưng thể nhập ba giả, là thể nhập Tiểu thừa, tùy sự ba giả mà thành Đại thừa tùy lý ba giả. Nói tùy sự, có hai thứ: ước chánh báo. Căn cứ y báo. Chánh báo lại có hai: a, ước tâm, là pháp trần đối ý căn, một niệm tâm khởi tức là nhân thành giả. Niệm trước niệm sau thứ lớp không dứt là tương tục giả. Các đối đãi khác không tâm, biết có tâm này tức tương đãi giả. Trên nhân thành ước nội căn ngoại trần, tương tục chỉ ước nội căn. Tương đãi đối dọc diệt mất không cả không. Lại đối ngang không tâm cả ba thứ vô vi. Dựa theo sắc mà nói ba giả, là do hạnh nghiệp đời trước thác sinh cha mẹ được có thân này tức nhân thành, giữ mãi tức tương tục. Dùng thân đối đãi chẳng thâm tức là tương đãi. Y cứ y báo, như bốn vi thành trụ, thời tiết biến đổi nối tiếp mãi không dứt. Trụ này đối đãi chẳng trụ và dài ngắn... nay Đại thừa thấu rõ vô minh khởi, đều như huyễn hóa. Nhân thành còn không, há có hai thứ sau. Cho nên sắc tâm y chánh, đều như huyễn hóa. Là (đây trở đi mười một hạnh không đủ) nghĩa, nhập chúng sinh giả không, phân khoa. Tùy giải thích, phá chúng sinh giả nhập không. Giải thích. Kết. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi ngã và chúng sinh có gì khác? Đáp: Ngã chấp là chủ thể, chúng sinh thì nắm giữ ấm. Nhập thật pháp giả không, phân biệt pháp, có hai: a”, nêu ý, “sở dĩ...” là nói lại khởi pháp tướng, nêu nghĩa chỉ như trên. Như ngài Thân Tử... là dẫn ngài Thân Tử làm lệ. Tiểu thừa lợi căn liền được Vô học. Đã là chuyển pháp còn phải dừng lại, hướng là Bồ-tát hóa tha. Cho nên trước cần khởi pháp tướng. “Nay Bồ-tát ...” là kết bày ý nay. “Chỉ vì ...” là nêu giải thích. Ngài Kinh Khê nói: Phân biệt pháp, pháp chỉ là ấm nhập mà thôi, cũng là pháp mười pháp giới. Bốn pháp giới sau chỉ là không giả trung của sáu thứ. Bốn pháp giới này cũng gọi là pháp. Cho nên biết pháp Không nghĩa rất dài. Người khác nói Nhị thừa Không được pháp Không, nên không nói sự dài ngắn của pháp Không. Nay không cả bốn giới nhập vào trung thật tướng. Phá trừ, không đồng với số nhân, số nhân là nói nghĩa Tiểu thừa mà thôi. Bốn người Niết-bàn tức bốn Thánh pháp giới. Pháp tướng hai biên, ngài Kinh Khê nói:

Trước đã có hai giải thích, tức có hai thứ hai biên không đồng. Như văn sau nói: Nếu dựa vào giải thích trước thì ngã và ngã sở là hai biên. Nếu ước giải thích sau thì căn cứ mười giới sinh tử Niết-bàn là hai biên. Tức là hai thứ bình đẳng không, là có tám mươi mốt phẩm mỗi phẩm đều có mười hai câu hỏi: vì sao phá kiến một phen, có bốn mươi tám cú, còn phá tư một phẩm đều có mười hai? Đáp: Đoạn tuy một phen các kiến mỗi thứ đều riêng, ở mỗi kiến đều đề phòng chuyển chấp, nên có bốn mươi tám. Còn tư không có chuyển chấp, chỉ có một thứ ba giả, nên chỉ có mười hai.

Giải thích ba nhập bình đẳng giả không, chánh giải thích, ngài Kinh Khê nói: “nếu còn bình đẳng... là gồm phá người xưa, giải thích bình đẳng không, nói đầy đủ như trong văn trước ở chương Mục-liên đã luận về tam không của đại tiểu không đồng.

Liệu giản, hỏi: Đây trái với kinh Anh Lạc. Quyển hai kinh ấy từ không vào giả quán, cũng gọi là quán không bình đẳng. Nghĩa là trước phá giả dùng không, nay phá không dùng giả. Phá dụng đã đều nên gọi là bình đẳng. Nay lấy tên bình đẳng này đồng vấn nạn. Đáp, Lợi căn huyền phá. Đã huyền phá bệnh không. Cho nên cái quán đầu đồng với cái thứ hai.

“Đâu có ...” là đáp riêng, căn cứ chân đế làm bệnh, , ý nêu. “thông ...” là giải thích, nói phạm phu chấp không là bệnh, Ngài Kinh Khê nói: Đây như Đại luận đến sinh tử, là luận ấy luận về kẻ hữu duyên đối với vô vi mà sinh hoặc sử. Đây là dẫn Tỳ-đàm để chứng Độ nhất nghĩa cũng cần không. Tuy như bình đẳng, lại nói bình đẳng tức cho là có, thì cũng cần phải không. Cho nên như vô vi không có sử, tâm năng duyên, duyên với nó mà sinh các sử. Diệt đế trở đi, hoặc tức là tướng đó.

“Biệt Viên...” là nói đoạn hoặc trệ không là bệnh. Ngài Kinh Khê nói: Biệt Viên không như thế... là khác với thiên chân... tuy lấy Biệt Viên nói cùng lúc để giải thích, nên cần phải phân biệt tướng Biệt Viên. Như trước thuộc đối ba thứ ba quán. Đã nói rằng biệt tướng để thuộc Biệt giáo, Thông tướng nhất tâm để thuộc Viên giáo. Lại nói: Thông tướng tuy viên, nhưng đối Phương đẳng bèn thành biệt tướng trong Viên. Cho nên ba thứ không này, thuộc chung cả Biệt Viên. “Từ đây ...” chỉ tìm trong đây một đoạn văn kinh. Nếu nói không tức là không đối với Niết-bàn và trung đạo. Kết giải thích, tức nói từ giả nhập không mà thôi, cho nên biết, vì không ba đế nên tại trung. Cuối cùng nhập không nên chỉ giống biệt. Cho nên xưa cùng nêu Biệt Viên hai giáo. Sở dĩ kinh này

nếu phân giáo mà giải thích, thì lý đủ cả Biệt Viên. Chung nêu kinh văn, lại nương thông tướng. Nếu thế thì nhất định là Biệt Viên. Đáp: Đã nói Phương đẳng thích hợp cơ làm tông. Biệt Viên hai người tùy chỗ nghe có khác. Cho nên từ tông mà giải thích, cần biện rõ Biệt Viên, gọi là phân nghĩa thông, tùy cơ mà luôn biệt. Chúng sinh Phật tánh chuẩn theo lệ có thể biết. Cho nên văn trên nói rằng ba phẩm dưới từ đây sinh ra. Nếu thế thì đầu cuối đều là giáo một âm, nào có khác dòng. Đáp: Hiển bí đã khác, một âm ngầm hợp. “Lại nữa ...” là căn cứ trung đạo làm bệnh, có hai: a, bệnh trung cũng không, có hai: a’. Chánh nói: Nếu nói... là lại dẫn văn trước đối đây để nói ba đế đều không, thì hiển văn nay là không ở bệnh trung. Đây chính là dùng thông tướng mà quán ý. Lần một..., tức lần một chung ở ba quán, lần hai chỉ ở không.

“Quán này ...” là kết bày, “quán ...” là căn cứ vị hiển bày. Vị hạnh đến nhập không, là tiếp nhập kiến địa của thông trở lên, sơ trụ của biệt trở lên, chỉ là vị tương tự của viên. Do đó mà biết trung đạo chưa phá vô minh. Giả quán điều phục bệnh vô tri, đoán nói nghĩa chính luận nghĩa chỉ, có nêu quán bày ý, có hai: a”, căn cứ quán nêu chung. Ngài Kinh Khê nói: Cũng gọi bình đẳng là lại dựa vào Anh lạc mà nói thuyết này. “Do không ...” là nêu văn bày ý. “Xuất giả ...” là mượn thông bày vị, có hai: a, mượn thông ba căn. Ngài Kinh Khê nói: xuất giả có ba... tức là ba căn: Thượng căn phiền não chưa đoạn, dựa ba giáo này đồng ở không này. Cho nên thông ba căn đều gọi là có bệnh. Vì người hạ căn còn có tập khí, cho nên ý Thông giáo đều còn lưu các dư tập. Cho nên người ba căn đều có thật bệnh.

“Nếu biệt ...” là hiển bày vị Biệt giáo, ngài Kinh Khê nói: Nếu biệt đến nhập giả là dẫn biệt mà luận khác. “Nhưng Biệt Viên ...” là nói ý đối hai giáo gởi vị. Không phải dụng thông... là trước căn cứ Thông giáo đoạn ba căn, là ý nói Biệt giáo ba căn cũng thế. Cho nên trước luận ý thông khiến biết rõ Biệt, rồi nói Thông không. Cho nên được mượn luận không này. Tuy tức chẳng Không mà ở không bèn có hai quán giả, trung. Cho nên nếu ...” là hai quán ba thứ đều giả trung để dần dần thêm sâu. Cho nên kể lưu tập của Thông giáo còn gọi là có bệnh, hướng là vốn Biệt Viên mà vẫn còn có hoặc trần sa vô minh. Cho nên Phương đẳng giáo lại đối chỗ sinh ra ba căn muốn đồng. Nếu luận chỗ nhập thì trường đoản rất khác nhau, nên khiến có bệnh nhiều ít không đồng. Vì thế Đẳng giác của Biệt giáo chỉ có một phẩm, còn gọi có bệnh, cho nên khiến Bồ-tát không có bệnh hữu vô. Song trong đây phần lớn đều dựa theo thứ lớp ba quán. Cho nên biết không phải là giả bất tư nghì. Cho

nên khiến Biệt Viên căn cứ ở địa trụ tiền. Như trong chỉ quán ba căn sinh ra giả ý thì không như thế... “ Trước nói ... ” là đối trước nói giả.

